

Số: 4533/BC-SNV

Khánh Hòa, 13 ngày tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO

Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 tỉnh Khánh Hòa do Bộ Nội vụ công bố

I. TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016 CÁC BỘ, TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Ngày 30/5/2017, đồng chí Trương Hòa Bình - Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ chủ trì Hội nghị trực tuyến sơ kết công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2017 và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cùng dự có các thành viên Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ, lãnh đạo một số bộ, ngành Trung ương. Điểm cầu Khánh Hòa, đồng chí Trần Sơn Hải - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh chủ trì.

Tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Trọng Thừa đã công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là bộ) và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đây là năm thứ 5 Bộ Nội vụ tiến hành đánh giá, xác định và công bố chỉ số cải cách hành chính các bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Đối tượng đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính

- Ở cấp Trung ương: 19 bộ.
- Ở địa phương: 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Phương pháp đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính

Năm 2017, các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là các bộ, các tỉnh) triển khai thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính theo quy định tại Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt “Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” (thay thế Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012). Cụ thể:

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp bộ được cấu trúc thành 2 nhóm:

- Nhóm I: Đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của bộ, gồm 7 tiêu chí, 32 tiêu chí và 56 tiêu chí thành phần (điểm tối đa là 62 điểm).

- Nhóm II: Đánh giá tác động của cải cách hành chính, gồm 28 tiêu chí, được phân loại theo 6 nhóm nội dung tác động của cải cách hành chính (điểm tối đa là

38 điểm).

b) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh được cấu trúc thành 2 nhóm:

- Nhóm I: Đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của bộ, gồm 8 tiêu chí, 32 tiêu chí và 64 tiêu chí thành phần (điểm tối đa là 62 điểm).

- Nhóm II: Đánh giá tác động của cải cách hành chính, gồm 27 tiêu chí, được phân loại theo 8 nhóm nội dung tác động của cải cách hành chính (điểm tối đa là 38 điểm).

c) Phương pháp đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính

- Tự đánh giá: Các bộ, các tỉnh tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của bộ, tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số cải cách hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nội vụ (kèm theo các tài liệu kiểm chứng).

- Bộ Nội vụ thẩm định điểm số tự đánh giá của các bộ, các tỉnh với sự tư vấn của Hội đồng thẩm định. Căn cứ vào theo dõi thực tế, điểm tự đánh giá của các bộ, các tỉnh sẽ được Bộ Nội vụ xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết trên cơ sở thực tế và tài liệu kiểm chứng.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học: Việc điều tra xã hội học được tiến hành khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau. Đối với Chỉ số cải cách hành chính cấp bộ, việc điều tra xã hội học được tiến hành với 3 nhóm đối tượng: (1) Lãnh đạo cấp Vụ / Cục/ Tổng Cục; (2) Lãnh đạo cấp sở của 63 tỉnh, thành phố đánh giá về cải cách hành chính của bộ chủ quản; (3) Công chức chuyên trách cải cách hành chính của các bộ. Đối với Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh, việc điều tra xã hội học được thực hiện với 5 nhóm đối tượng: (1) Thường trực HĐND tỉnh (8 người), (2) Lãnh đạo cấp sở (3 người/sở x 19 sở), (3) Lãnh đạo cấp huyện (3 người/huyện x 8 huyện), (4) Doanh nghiệp (100 doanh nghiệp bao gồm: doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp ngoài quốc doanh), (5) Người dân (30 người x 3 xã x 3 huyện).

Tổng hợp điểm Bộ Nội vụ đánh giá và điểm qua điều tra xã hội học là căn cứ để tính Chỉ số cải cách hành chính cho từng bộ, từng tỉnh. Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỉ lệ % giữa "Tổng điểm đạt được" và "Tổng điểm tối đa".

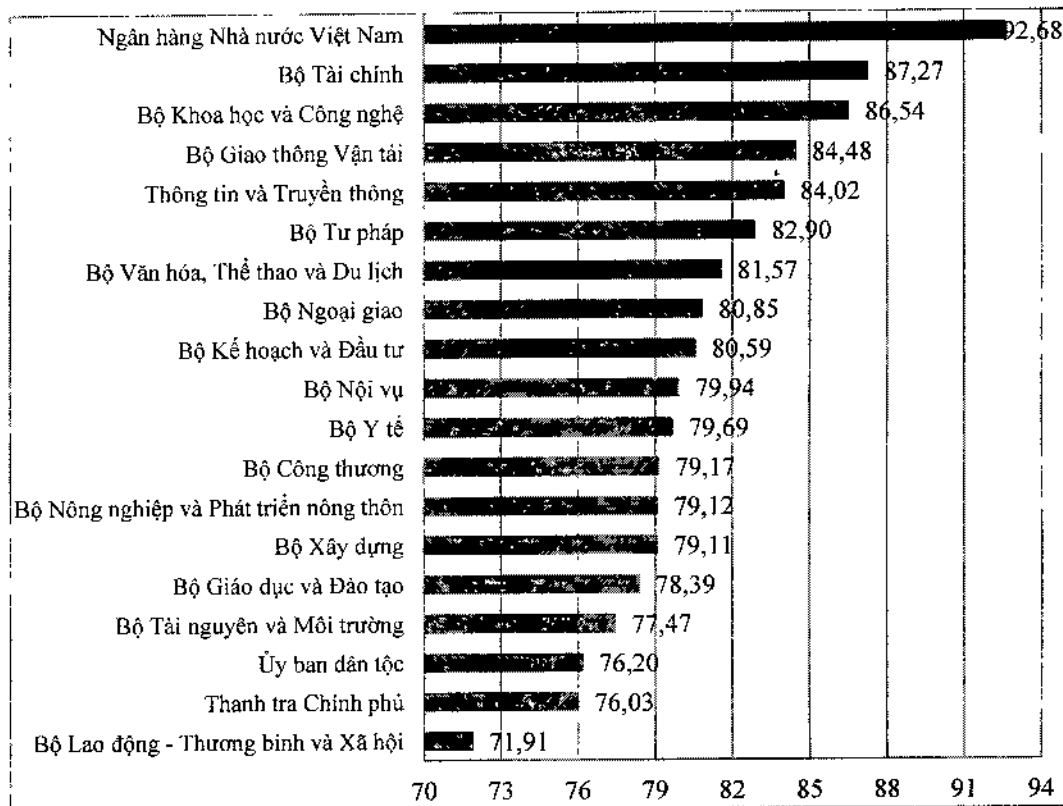
II. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016 CỦA CÁC BỘ, CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các bộ

Giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của 19 bộ đạt được là 80,94% (năm 2015 là 85,3%). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có chỉ số cải cách hành chính cao nhất (92,68%), đứng cuối bảng xếp hạng là Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (71,91%), khoảng cách chênh lệch là 20,77%.

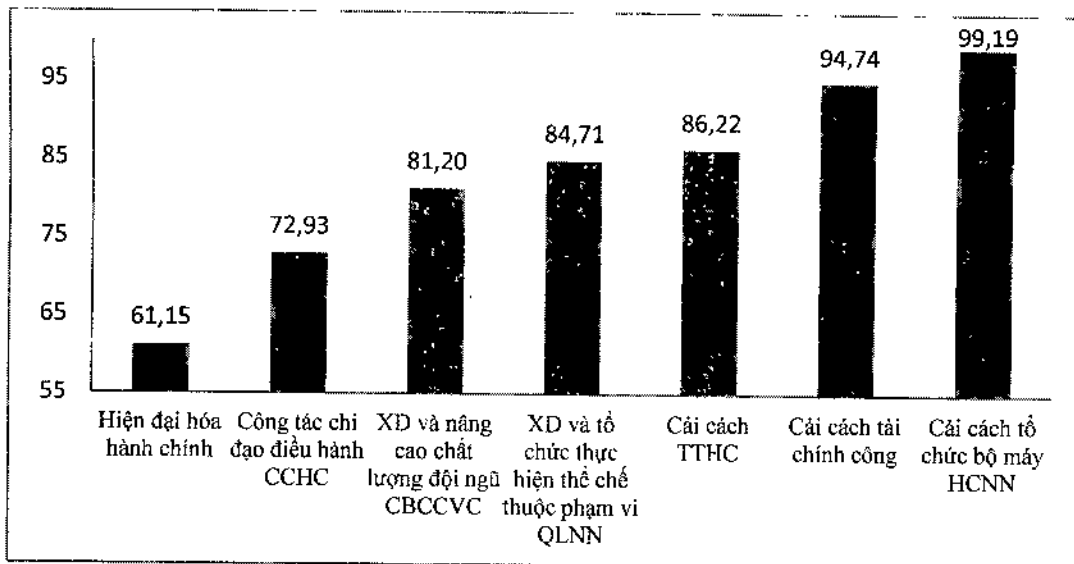
- 9 bộ đạt chỉ số trên 80%: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (92,68%), Bộ Tài chính (87,27%), Bộ Khoa học và Công nghệ (86,54%), Bộ Giao thông vận tải (84,48%), Bộ Thông tin và Truyền thông (84,02%), Bộ Tư pháp (82,90%), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (81,57%), Bộ Ngoại giao (80,85%), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (80,59%).

- 10 bộ đạt chỉ số dưới 80%: Bộ Nội vụ (79,94%), Bộ Y tế (79,69%), Bộ Công Thương (79,17%), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (79,12%), Bộ Xây dựng (79,11%), Bộ Giáo dục và Đào tạo (78,39%), Bộ Tài nguyên và Môi trường (77,47%), Ủy ban Dân tộc (76,20%), Thanh tra Chính phủ (76,03%), Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (71,91%).



Biểu đồ 1: Chỉ số CCHC năm 2016 của các bộ

- Trong 7 tiêu chí đánh giá của cấp bộ: 02 tiêu chí đạt giá trị trung bình trên 90% là tiêu chí cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (99,19%) và cải cách tài chính công (94,74); 02 tiêu chí đạt giá trị trung bình thấp nhất là tiêu chí hiện đại hóa hành chính (61,15%) và công tác chỉ đạo điều hành (72,93%).

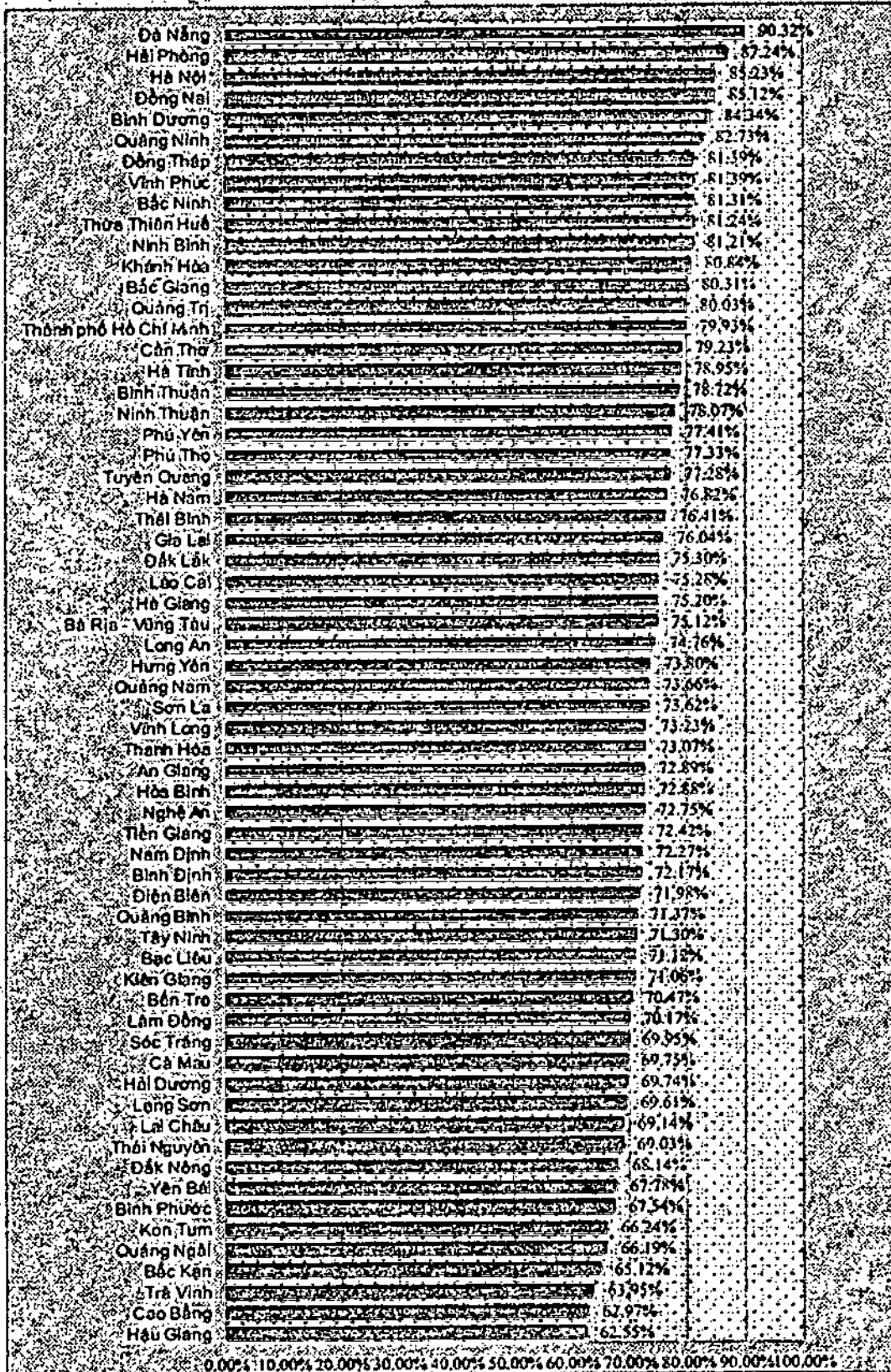


Biểu đồ 2: Giá trị trung bình Chỉ số CCHC thành phần năm 2016 của các bộ

Là năm đầu tiên triển khai thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính theo quy định mới tại Quyết định số 4361/QĐ-BNV, tuy nhiên, kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 cho thấy sự nỗ lực, cố gắng chung của các bộ trong triển khai công tác cải cách hành chính, kết quả cải cách hành chính ngày càng thực chất hơn, sát với thực tiễn hơn.

2. Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các tỉnh, thành phố đạt 74,54% (năm 2015 là 85,11%), trong đó, có 30/63 đơn vị đạt kết quả trên giá trị trung bình.



Biểu đồ 3: Chỉ số CCHC năm 2016 của các tỉnh, thành phố

Kết quả được chia làm 4 nhóm:

- Nhóm đạt Chỉ số cải cách hành chính trên 90%: Đà Nẵng là đơn vị duy nhất thuộc nhóm này với chỉ số đạt 90,32%.

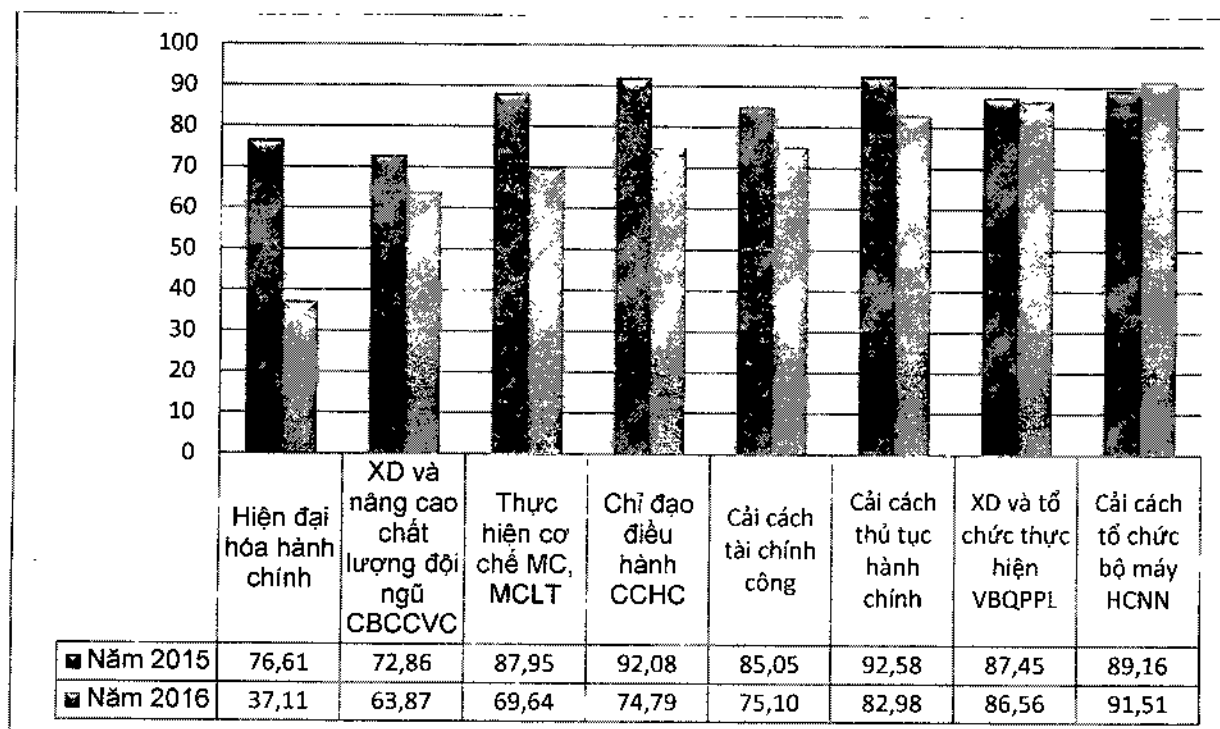
- Nhóm đạt Chỉ số cải cách hành chính từ 80% đến dưới 90%, bao gồm 13 tỉnh, thành phố, xếp hạng từ vị trí thứ 2 đến vị trí thứ 14. Tỉnh Khánh Hòa xếp thứ hạng 12/63, các tỉnh, thành còn lại bao gồm: Hải Phòng (87,24%), Hà Nội (87,24%), Đồng Nai (85,12%), Bình Dương (84,34%), Quảng Ninh (82,73%), Đồng Tháp, Vĩnh Phúc (cùng 81,39%), Bắc Ninh (81,31%), Thừa Thiên Huế (81,24%), Ninh Bình (81,21%), Bắc Giang (80,31%), Quảng Trị (80,03%).

- Nhóm đạt Chỉ số cải cách hành chính từ 70% đến dưới 80%, bao gồm 33 tỉnh, thành phố, xếp hạng từ vị trí thứ 15 đến vị trí thứ 47.

- Nhóm đạt Chỉ số cải cách hành chính dưới 70%, có 16 tỉnh, thành phố, trong đó Hậu Giang có chỉ số thấp nhất (62,55%), tiếp theo lần lượt là Cao Bằng (62,97%), Trà Vinh (63,95%), Bắc Kạn (65,12%), Quảng Ngãi (66,19%).

Năm 2016, trong 8 nội dung được đánh giá, có 3 nội dung có giá trị trung bình trên 80%, gồm: Cải cách tổ chức bộ máy (91,51%), Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (86,56%) và Cải cách thủ tục hành chính (82,98%). Cải cách tài chính công, Công tác chỉ đạo điều hành có giá trị trung bình dưới 80%, lần lượt là 75,10% và 74,79%.

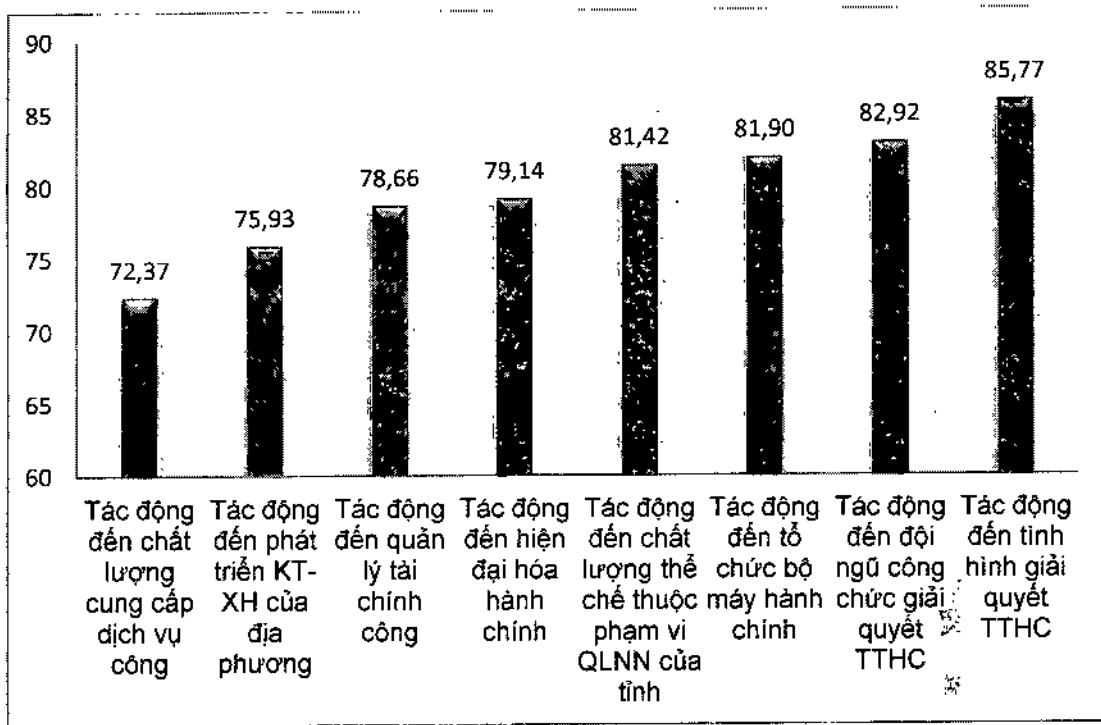
3 nội dung có giá trị trung bình dưới 70% là: Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (69,64%), Xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ công chức (63,87%) và Hiện đại hóa hành chính (chỉ đạt 37,11%).



Biểu đồ 4: Giá trị trung bình chỉ số CCHC thành phần năm 2016 của các tỉnh thành

Kết quả đánh giá tác động của cải cách hành chính (thông qua điều tra xã hội học) theo 08 nhóm tác động thì nhóm tác động của cải cách hành chính đến

tình hình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức có tỷ lệ điểm trung bình cao nhất, đạt 85,77%. Tiếp theo là các nhóm tác động của cải cách hành chính đến: đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy hành chính, chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, hiện đại hóa hành chính, quản lý tài chính công, phát triển kinh tế - xã hội, chất lượng cung cấp dịch vụ công.



Biểu đồ 5: Tỷ lệ điểm trung bình theo 08 nội dung tác động của cải cách hành chính

III. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016 CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

1. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 tỉnh Khánh Hòa

Năm 2016, tỉnh Khánh Hòa tự chấm 56/62 điểm, Bộ Nội vụ thẩm định đạt 51/62 điểm. Điều tra xã hội đạt 27,82/35,5 điểm. Tổng cộng đạt 78,82 điểm, Chỉ số cải cách hành chính đạt 80,84%, xếp thứ hạng 12/63 tỉnh thành, tăng 5 bậc xếp hạng so với năm 2015. Đây là năm thứ 5 tỉnh Khánh Hòa có Chỉ số cải cách hành chính cao hơn mức trung bình chung của các tỉnh thành và cũng là năm thứ 4 liên tiếp tăng vị trí xếp hạng.

Tóm tắt Chỉ số Cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa qua các năm (Từ năm 2012 – 2016)

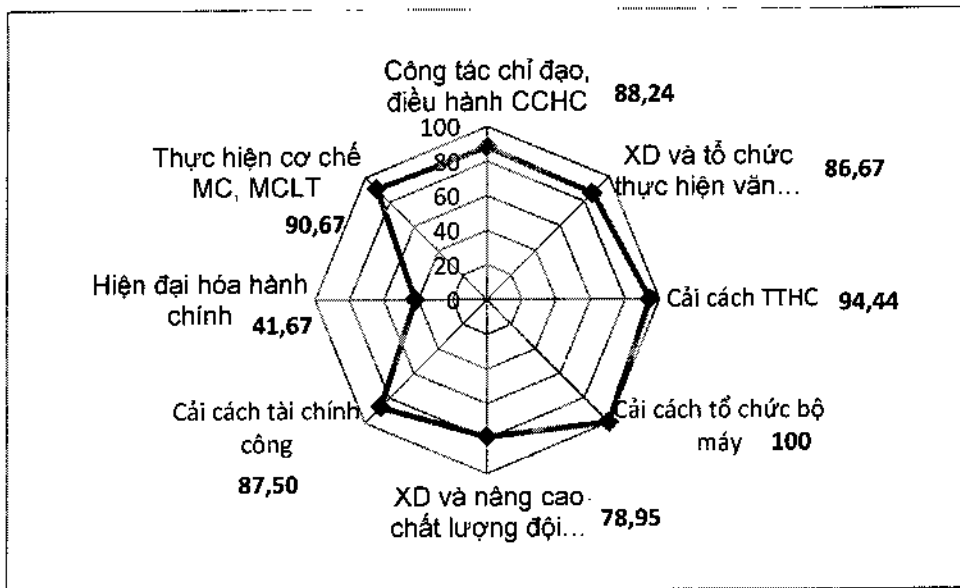
Năm đánh giá	I. Điểm tự đánh giá (tối đa 62 điểm)		II. Điểm điều tra xã hội học (tối đa 38 điểm)	Tổng điểm (100 điểm)	PAR-INDEX (%)	Xếp hạng	
	Điểm tỉnh tự đánh giá	Bộ Nội vụ thẩm định					
2012	54,75	48	28,84	76,84	76,84	34	
2013	57	48,5	29,65	78,15	78,15	32	
2014	60,25	54,10	29,52	83,62	83,62	22	
2015	60	55,5	31,73	87,23	87,23	17	
Năm đánh giá	I. Điểm tự đánh giá (tối đa 62 điểm)		II. Điểm đánh giá tác động của CCHC (tối đa 35,5 điểm) ¹		Tổng điểm (97,5 điểm)	PAR-INDEX (%)	Xếp hạng
			Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (tối đa 3 điểm) ²	Điểm điều tra xã hội học (tối đa 32,5 điểm)			
2016	56	51	2,5	25,32	78,82	80,84	12

Tỉnh Khánh Hòa có 6 tiêu chí đạt chỉ số thành phần trên 80%, trong đó 3 tiêu chí trên 90%, cụ thể: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước đạt tối đa (100%); tiếp theo lần lượt là Cải cách thủ tục hành chính (94,44%), Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (90,63%), Công tác chỉ đạo điều hành (88,24%), Cải cách tài chính công (87,50%), Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh (86,67%). 2 tiêu chí có chỉ số dưới 80% là Xây

¹ Năm 2016 tạm thời chưa áp dụng đánh giá đối với tiêu chí 8.3 Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công (điểm tối đa 2,5), chờ hướng dẫn của Bộ Nội vụ nên tổng điểm tối đa là 97,5 điểm.

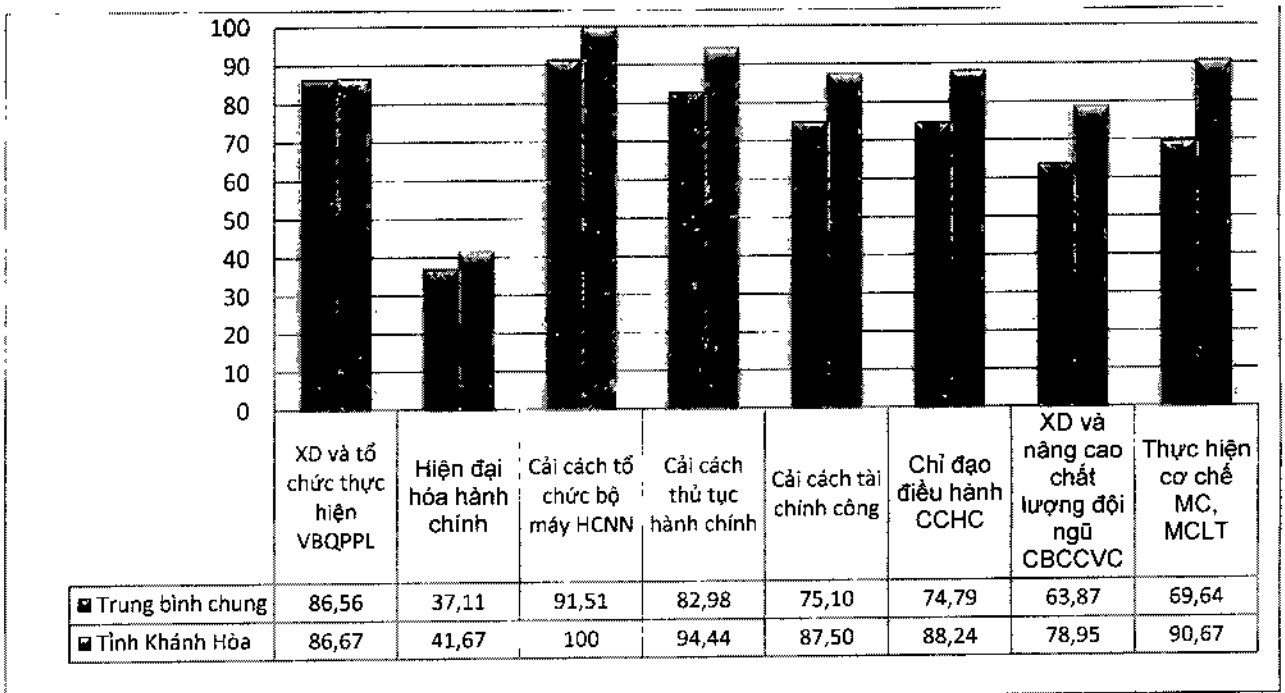
² Tỉnh tự đánh giá, Bộ Nội vụ thẩm định.

dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (78,95%) và Hiện đại hóa hành chính (41,67%).



Biểu đồ 6: Chỉ số CCHC thành phần năm 2016 của tỉnh Khánh Hòa

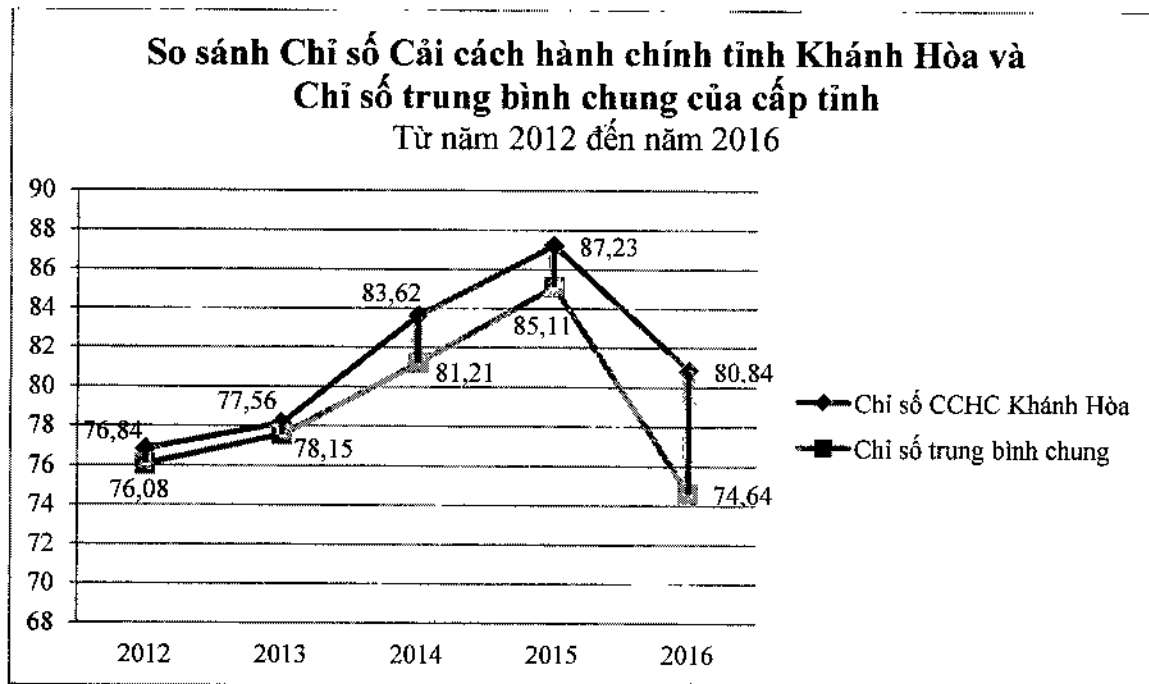
Tất cả 8 tiêu chí có Chỉ số thành phần cao hơn mức trung bình chung các tỉnh, thành phố, trong đó tiêu chí Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông có mức cao nhất, cao hơn 20,99%, tiếp theo lần lượt: Xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (15,08%); Công tác chỉ đạo, điều hành (13,45%); Cải cách tài chính công (12,40%); Cải cách thủ tục hành chính (11,46%); Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (8,49%); Hiện đại hóa hành chính (4,56%); Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (0,11%).



Biểu đồ 7. So sánh Chỉ số thành phần tỉnh Khánh Hòa với trung bình chung

Số liệu thống kê cho thấy kết quả Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh có thứ hạng tăng dần qua các năm, điều này cho thấy công tác chỉ đạo điều hành cải cách

hành chính ngày càng được các cấp quan tâm, chỉ đạo, sự nỗ lực, cố gắng của các cơ quan, đơn vị trong triển khai đầy đủ các nội dung, nhiệm vụ được giao, nhiều mô hình cải cách hành chính hay, giải pháp mới được thực hiện trong quá trình triển khai nhiệm vụ đã góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính của tỉnh.



Nhìn kết quả trên biểu đồ, ta có thể thấy Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa qua các năm đều cao hơn Chỉ số trung bình chung của cấp tỉnh và khoảng cách chênh lệch ngày càng tăng cho thấy những nỗ lực cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh nhanh hơn một số tỉnh, thành phố trong cả nước.

2. Kết quả cải cách hành chính trên từng tiêu chí

a) Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Chỉ số thành phần Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính được đánh giá trên 5 tiêu chí: (1) Kế hoạch cải cách hành chính năm; (2) Thực hiện công tác báo cáo cải cách hành chính; (3) Kiểm tra công tác cải cách hành chính; (4) Công tác tuyên truyền cải cách hành chính; (5) Sáng kiến trong cải cách hành chính.

Tiêu chí này tối đa 8,5 điểm, nhưng không có đơn vị nào đạt điểm tuyệt đối. Điểm cao nhất của tiêu chí này 7,5 điểm (88,24%) và có 18 tỉnh, thành đạt số điểm này, trong đó có tỉnh Khánh Hòa; thấp nhất là Quảng Ngãi chỉ đạt 2 điểm (23,53%). Giá trị trung bình chung của tiêu chí này là 74,49%.

Kết quả đạt được

- Tỉnh tự đánh giá 7,5/8,5 điểm, Bộ Nội vụ thẩm định 7,5/8,5 điểm. Chỉ số thành phần đạt 88,24%, cao hơn 13,75% so với mức trung bình chung của các tỉnh thành.

- Các tiêu chí: Kế hoạch cải cách hành chính năm, Kiểm tra công tác cải cách hành chính, Công tác tuyên truyền cải cách hành chính, Sáng kiến trong cải cách hành chính và tiêu chí thành phần Báo cáo cải cách hành chính định kỳ đều đạt điểm tối đa.

- Bị mất 1 điểm tại tiêu chí thành phần **1.2.2 Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số cải cách hành chính** là do Báo cáo tự chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính sai số nhiều hơn 3% so với điểm thẩm định của Bộ Nội vụ (điểm trừ). Tổng điểm tự chấm 56 điểm, điểm thẩm định của Bộ Nội vụ là 51 điểm (lệch 5 điểm tương đương 8,06%), do vậy bị trừ 1 điểm. Tất cả các tỉnh, thành phố đều bị trừ 1 điểm này.

Như vậy, trong năm 2016, công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của tỉnh tiếp tục được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Lãnh đạo UBND tỉnh đã quan tâm, quyết liệt chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính, nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Nhiều giải pháp, sáng kiến cải cách hành chính phát huy tác dụng trong thực tiễn đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, đảm bảo hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh, được Bộ Nội vụ ghi nhận.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh

Chỉ số thành phần Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được đánh giá trên 4 tiêu chí: (1) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; (2) Theo dõi thi hành pháp luật; (3) Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; (4) Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Tiêu chí này tối đa 7,5 điểm, có 6 tỉnh đạt điểm tối đa là Trà Vinh, Quảng Nam, Hà Nội, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Bắc Giang; tỉnh Hải Dương đứng cuối bảng với chỉ số 60%; trung bình chung của các tỉnh, thành đạt 86,56%.

Kết quả đạt được

- Tỉnh tự chấm 6,5/7,5 điểm, Bộ Nội vụ thẩm định 6,5/7,5 điểm. Chỉ số thành phần đạt 86,67%, chỉ cao hơn 0,11% so với mức trung bình chung các tỉnh thành, đứng thứ 39/63 tỉnh, thành phố. Tỉnh Khánh Hòa bị trừ 01 điểm, cụ thể điểm như sau:

+ “**Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt**” của tỉnh đạt 1/1,5 điểm. Vì số văn bản quy phạm theo Chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2016 và Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh năm 2016 được tham mưu ban hành chỉ đạt 90,38%.

+ “**Theo dõi tình hình pháp luật**” đạt 2/2,5 điểm, trong đó mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật và xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật đạt yêu cầu. Tuy nhiên, việc gửi Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa không đúng thời gian quy định tại Khoản 5 Điều 17 Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ nên bị trừ 0,5 điểm.

+ Hai tiêu chí thành phần còn lại là “Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật” và “Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật” đều đạt điểm

tối đa 1,5 điểm.

Đây là tiêu chí có Chỉ số thành phần thấp nhất của tỉnh năm 2015. Sang năm 2016 ghi nhận những nỗ lực của các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức xây dựng và tham mưu ban hành văn bản quy định chi tiết để triển khai các chủ trương, chính sách của Trung ương, đảm bảo trình tự thủ tục, quy trình, thẩm quyền ban hành, không xảy ra sai sót lớn. Bên cạnh đó, việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, kịp thời. Công tác theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh cũng được quan tâm, thực hiện, các vấn đề phát hiện qua quá trình theo dõi thi hành pháp luật đã được kiến nghị và UBND tỉnh đã có các văn bản chỉ đạo xử lý kịp thời. Tuy nhiên, cần quan tâm kiểm soát trách nhiệm tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật để có đơn đốc và thực hiện chế độ báo cáo cho Bộ Tư pháp đúng quy định.

c) Cải cách thủ tục hành chính

Chỉ số thành phần Cải cách thủ tục hành chính được đánh giá trên 4 tiêu chí: (1) Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; (2) Công bố, cập nhật thủ tục hành chính; (3) Công khai thủ tục hành chính; (4) Công tác tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.

Điểm tối đa: 9 điểm. Có 09/63 tỉnh, thành phố đạt 9 điểm (100%) và cùng ở vị trí dẫn đầu bảng xếp hạng. Giá trị trung bình đạt 82,98%.

Kết quả đạt được:

- Tỉnh tự chấm 9/9 điểm, Bộ Nội vụ thẩm định 8,5/9 điểm, đạt 94,44%, cao hơn 11,46% so với mức trung bình chung của các tỉnh thành, đứng thứ 11/63 tỉnh, thành phố.

- Tại tiêu chí "**Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai thủ tục hành chính đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả**", điểm tối đa là 1 điểm. Tỉnh tự chấm 1 điểm.

Tuy nhiên qua thẩm định, Bộ Nội vụ phát hiện tại Thông báo kết luận kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 4053/KH-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh, tại Mục 6 về Thực hiện công khai TTHC có nội dung "*Còn 1 số đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc...*", nên trừ 0,5 điểm.

d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Chỉ số thành phần Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước bao gồm 3 tiêu chí: (1) Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy; (2) Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện; (3) Thực hiện phân cấp quản lý.

Tiêu chí này tối đa là 6,5 điểm. Có 38/63 tỉnh, thành phố cùng đạt điểm tối đa trong đó có tỉnh Khánh Hòa, đứng cuối là Bình Định với chỉ số 53,85%. Chỉ số

trung bình chung là 91,51%. Đây là năm thứ 2 liên tiếp tỉnh đạt điểm tối đa tại tiêu chí này.

đ) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Chỉ số thành phần Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bao gồm 8 tiêu chí: (1) Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; (2) Tuyển dụng công chức, viên chức; (3) Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh; (4) Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương; (5) Thực hiện quy định về đánh giá phân loại công chức, viên chức; (6) Mức độ hoàn thành kế hoạch tỉnh giảm biên chế trong năm; (7) Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; (8) Cán bộ, công chức cấp xã.

Điểm tối đa là 9,5 điểm. Ninh Bình đứng đầu bảng xếp hạng với Chỉ số 89,47%, thấp nhất là Trà Vinh, Cà Mau với cùng chỉ số 42,11%. Trung bình chung đạt 63,87%.

Kết quả đạt được

- Tỉnh tự chấm 9/9,5 điểm, Bộ Nội vụ thẩm định 7,5/9,5 điểm. Tỉnh Khánh Hòa bị trừ điểm ở các tiêu chí thành phần sau:

+ **“Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt”**: mặc dù tỉnh đã giải trình do Bộ Nội vụ chưa phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của tỉnh nên tỉnh chưa có cơ sở triển khai thực hiện. Tuy nhiên, Bộ Nội vụ không thống nhất nên không cho điểm. Theo Báo cáo của Bộ Nội vụ, trong 63 tỉnh thành chỉ có Hà Nội, Hải Dương, Phú Yên, Ninh Bình có điểm tại tiêu chí này do triển khai từ trước khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016.

+ **“Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức”**: đạt 0,5/1 điểm vì Bộ Nội vụ đánh giá chưa hoàn thành 100% kế hoạch.

+ Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã và cán bộ cấp xã của tỉnh chưa đảm bảo 100% do đó bị trừ 0,5 điểm.

Chỉ số thành phần đạt 78,95%, cao hơn 15,08% so với mức trung bình chung của các tỉnh thành, xếp thứ 5/63. Đây là tiêu chí có chỉ số năm 2016 thấp thứ 2 của tỉnh, tuy nhiên vẫn đạt cao so với mặt bằng chung.

e) Cải cách tài chính công

Chỉ số thành phần cải cách tài chính công được đánh giá trên 2 tiêu chí: (1) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính; (2) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.

Điểm tối đa 4 điểm. Có 8 tỉnh, thành đạt 100%, thấp nhất là Lào Cai với chỉ số 25%, trung bình chung đạt 75,10%.

Kết quả đạt được

- Tỉnh tự chấm 4/4 điểm, Bộ Nội vụ thẩm định 3,5/4 điểm. Chỉ số đạt 87,50%, cao hơn mức trung bình chung là 12,40%.

Đôi với tiêu chí **“Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp”**, tỉnh giải trình do chưa có đơn vị sự nghiệp nào đủ điều kiện thực hiện nên tự chấm 0,5 điểm. Tuy nhiên, theo Bộ Nội vụ, nếu không có đơn vị nào đủ điều kiện để được phê duyệt Đề án thì không có điểm.

Trong năm 2016 chỉ có 16 tỉnh, thành phố đạt điểm tại tiêu chí này là Bắc Giang, Bến Tre, Bình Dương, Đắk Lắk, Điện Biên, Gia Lai, Hải Dương, Kiên Giang, Lai Châu, Ninh Bình, Nghệ An, Phú Thọ, Phú Yên, Sơn La, Thành phố Hồ Chí Minh, Yên Bái.

g) Hiện đại hóa hành chính

Chỉ số thành phần Hiện đại hóa nền hành chính được đánh giá trên 3 tiêu chí: (1) Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh; (2) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến; (3) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

Điểm tối đa 9 điểm. Đứng đầu bảng xếp hạng ở chỉ số thành phần là thành phố Đà Nẵng (77,78%), tỉnh Lai Châu đứng cuối vị trí xếp hạng (5,56%), chỉ số trung bình của các tỉnh, thành phố đạt 37,11%.

Kết quả đạt được

- Tỉnh tự chấm 6,25/9 điểm, Bộ Nội vụ thẩm định 3,75/9 điểm, xếp thứ 26/63 tỉnh, thành phố. Cụ thể như sau:

+ **“Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin”**: đạt 0,5/1 điểm do tỉnh chỉ hoàn thành trên 90% nhiệm vụ đề ra.

+ **“Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh”** (điểm tối đa là 1 điểm): trong năm 2016 tỉnh chưa ban hành Kiến trúc chính quyền điện tử nên không có điểm.

+ **“Tỷ lệ trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử”**: đạt 0,5/1 điểm do trong năm 2016, tỷ lệ văn bản (đi) phát hành dưới dạng điện tử giữa các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chỉ đạt 62,4% (39.873/63.706 văn bản).

+ **“Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 3”**: đạt 0,5/1,5 điểm.

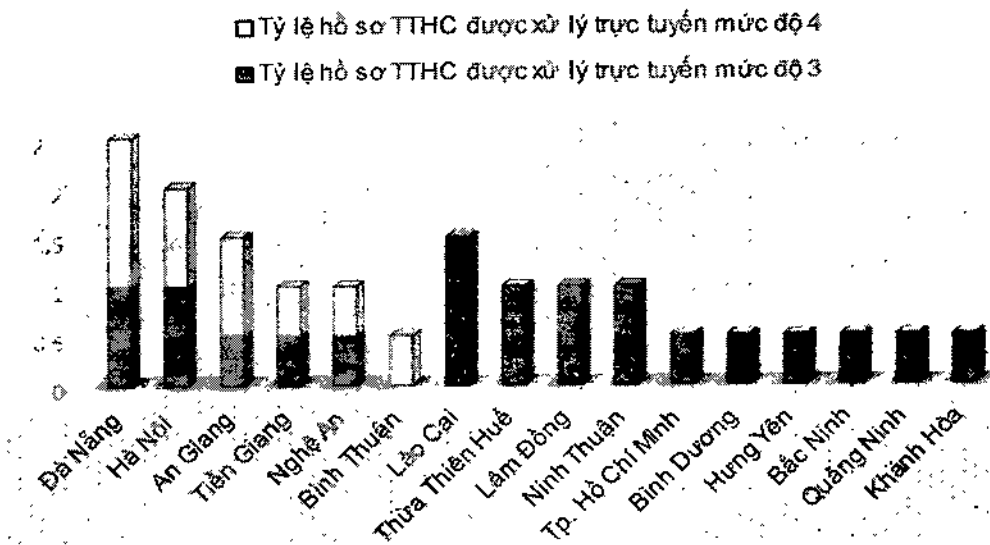
Theo Báo cáo của Bộ Nội vụ, trong năm 2016, chỉ có 15/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 3 đạt từ 20% trở lên. Tỉnh Lào Cai là đơn vị có tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến cao nhất 3.640/5.652 hồ sơ, đạt 64% - đây cũng là địa phương duy nhất có tỷ lệ hồ

sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 đạt trên 40% (đạt tối đa 1,5 điểm). Cũng theo Báo cáo của Bộ Nội vụ, Lào Cai chỉ cung cấp 35 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, trong đó 29 dịch vụ công có phát sinh hồ sơ.

Tổng hợp số liệu báo cáo từ các tỉnh, thành phố về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Bộ Nội vụ đánh giá “số lượng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến chỉ tập trung vào một số lĩnh vực như: Thuế, Hải quan, đăng ký kinh doanh. Hầu hết các lĩnh vực còn lại đều có rất ít hoặc không có hồ sơ tiếp nhận và xử lý bằng hình thức trực tuyến”.

Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, giải trình tiêu chí này, Sở Nội vụ đã cập nhật số liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã (số liệu thống kê của Sở Thông tin và Truyền thông) cùng kết quả giải quyết hồ sơ trực tuyến của các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn (Cục Thuế tỉnh, Hải quan tỉnh và Bảo hiểm xã hội tỉnh) để có số lượng hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến trong năm là 369.708 hồ sơ, đã giải quyết trực tuyến 160.163 hồ sơ, đạt tỷ lệ 43,32% (tự chấm điểm tối đa là 1,5 điểm).

Tuy nhiên, Bộ Thông tin và Truyền thông căn cứ số liệu Báo cáo số 1874/BC-STTTT ngày 29/12/2016 của Sở Thông tin và Truyền thông để chấm điểm thì tỉnh chỉ có 19 dịch vụ có tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến 100%; còn 378 dịch vụ không có thông tin về tỷ lệ và số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến trong năm và đánh giá tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến tại tỉnh đạt rất thấp.



Biểu đồ Điểm đánh giá của 16 tỉnh, thành phố đứng đầu về số lượng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4

+ “Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 4” (điểm tối đa là 1,5): tỉnh tự chấm 0 điểm do trong năm 2016, tỉnh mới công bố thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 4 đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, chưa phát sinh hồ sơ.

Tuy nhiên, như đã giải thích tại tiêu chí “Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 3”, nếu áp dụng cách tính số liệu báo cáo như các tỉnh, thành phố khác (tính luôn cả số lượng hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 4 của các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh) thì tỉnh ta cũng đạt điểm tối đa vì 5 địa phương có tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4 cao trong năm (theo Báo cáo của Bộ Nội vụ) là: Hà Nội, An Giang, Tiền Giang, Nghệ An, Bình Thuận thì số lượng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 4 cũng chỉ tập trung đối với các lĩnh vực: Thuế, Hải quan, Đăng ký kinh doanh.

+ Các tiêu chí thành phần về áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đều không đạt được điểm tối đa (bị trừ tổng cộng 0,75/1,5 điểm) vì chưa đảm bảo tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (còn Ban Dân tộc chưa công bố Hệ thống quản lý chất lượng nên chỉ đạt 0,25/0,5 điểm), tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định (0/0,5 điểm).

Mặc dù có chỉ số thành phần đạt 41,67% cao hơn 4,56% so với mức trung bình chung nhưng tiêu chí Hiện đại hóa hành chính có chỉ số rất thấp (thấp nhất trong 8 tiêu chí). Trong thời gian đến, cần tăng cường hoạt động trao đổi văn bản điện tử; rà soát, đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4 qua mạng Internet; triển khai chính quyền điện tử theo kiến trúc được ban hành; cải thiện, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

h) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Chỉ số thành phần thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông được đánh giá trên 3 tiêu chí: (1) Thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; (2) Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại; (3) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Điểm tối đa 8 điểm. Bắc Ninh là tỉnh dẫn đầu chỉ số xếp hạng ở tiêu chí này (96,88%), đứng cuối bảng là Cao Bằng (6,25%), chỉ số trung bình chung các tỉnh, thành phố đạt 69,84%.

Kết quả đạt được

- Tỉnh tự chấm 7,25/8 điểm, Bộ Nội vụ thẩm định 7,25/8 điểm, Chỉ số đạt 90,63%, cao hơn 20,99% so với mức trung bình chung của các tỉnh thành, đứng thứ 2/63 tỉnh, thành phố (chỉ sau Bắc Ninh).

- Các tiêu chí đạt điểm tối đa là (1) Thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông đạt 5,5/5,5 điểm; (2) Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại đạt 1/1 điểm.

- Các tiêu chí không đạt điểm tối đa (0,75/1,5 điểm) là **Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương có 100% hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận và được giải quyết đúng hạn**. Đây là những tiêu chí rất khó đạt điểm vì nếu có dưới 80% số cơ

quan, đơn vị, địa phương có 100% hồ sơ giải quyết đúng và sớm hạn thì không có điểm. Trong khi đó, theo số liệu thống kê của Sở Thông tin và Truyền thông (tính đến thời điểm báo cáo Bộ Nội vụ) thì không có cơ quan, đơn vị nào có tỷ lệ hồ sơ giải quyết sớm và đúng hạn đạt 100%.

3. Kết quả đánh giá tác động của cải cách hành chính

Chỉ số Đánh giá tác động của cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố được xác định dựa trên kết quả điểm đạt được của 8 nhóm đánh giá tác động. Trong đó, nhóm đánh giá tác động cải cách hành chính đến sự phát triển kinh tế - xã hội được đánh giá thông qua hệ thống báo cáo của các địa phương, 7 nhóm còn lại được đánh giá thông qua điều tra xã hội học.

STT	Nhóm đánh giá	Đối tượng điều tra xã hội học
1	Tác động đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	Thường trực HĐND; Lãnh đạo cấp sở; Lãnh đạo UBND cấp huyện
2	Tác động đến tình hình giải quyết TTHC	Người dân; Doanh nghiệp
3	Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính	Thường trực HĐND cấp tỉnh; Lãnh đạo cấp sở; Lãnh đạo UBND cấp huyện
4	Tác động đến công chức giải quyết TTHC	Người dân; Doanh nghiệp
5	Tác động đến quản lý tài chính công	Thường trực HĐND cấp tỉnh; Lãnh đạo cấp sở
6	Tác động đến hiện đại hóa hành chính	Lãnh đạo cấp sở; Lãnh đạo UBND cấp huyện; Người dân; Doanh nghiệp
7	Tác động đến cung cấp dịch vụ công	Người dân

Đối tượng điều tra xã hội học theo từng nhóm đánh giá tác động CCHC

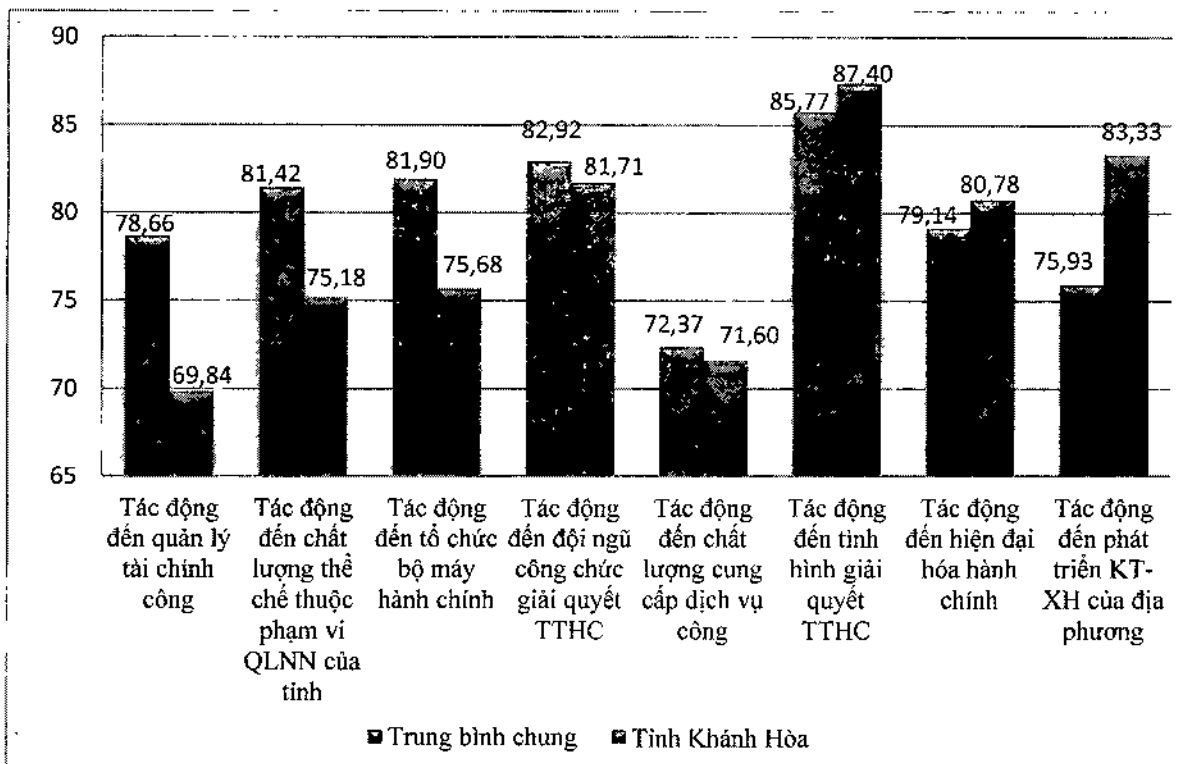
Chỉ số Đánh giá tác động của cải cách hành chính của các tỉnh, thành năm 2016 có giá trị trung bình là 80,29%. Trong đó, 29/63 địa phương đạt kết quả trên giá trị trung bình. Đứng đầu là tỉnh Phú Thọ (95,50%), 4 địa phương khác có Chỉ số tác động đạt trên 90% là: Đồng Nai, Đà Nẵng, Hải Phòng và Bình Dương; Cao Bằng có chỉ số tác động thấp nhất (65,89%).

a) Kết quả đạt được

- Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, tỉnh Khánh Hòa có Chỉ số đánh giá tác động của cải cách hành chính đạt 27,82/35,5 điểm, đứng vị thứ 42/63 tỉnh, thành.

- Trong 08 nhóm tác động cải cách hành chính, nhóm tác động đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính có chỉ số cao nhất (87,40%), tiếp theo lần lượt là các nhóm tác động: đến phát triển kinh tế - xã hội (83,33%), đến đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính (81,71%), đến hiện đại hóa hành chính (80,78%), đến tổ chức bộ máy hành chính (75,68%), đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh (75,18%), đến chất lượng cung cấp dịch vụ công (71,60%), đến quản lý tài chính công (69,84%).

- Có 3 nhóm tác động có chỉ số cao hơn so với Chỉ số trung bình chung là: nhóm tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (cao hơn 7,4%), nhóm tác động đến hiện đại hóa hành chính (cao hơn 1,64%), nhóm tác động đến tình hình giải quyết hành chính (cao hơn 1,63%). 5 nhóm tác động còn lại có chỉ số thấp hơn mức trung bình chung.



Biểu đồ 8: So sánh 8 chỉ số đánh giá tác động cải cách hành chính của Khánh Hòa với trung bình chung của các tỉnh, thành

* Nhóm 1: “Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh” được đánh giá trên 2 tiêu chí: (1) Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh và (2) Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm. Khánh Hòa đạt 2,5/3 điểm (83,33%), trong đó “**Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm**” chỉ đạt 1/1,5 điểm do trong năm 2016 tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới chỉ tăng 23,4% so với năm 2015 (để đạt điểm tối đa tại tiêu chí này thì tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm tăng từ 30% trở lên so với năm trước liền kề).

* Nhóm 2: “Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh” được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của 3 đối tượng là: Thường trực HĐND tỉnh, Lãnh đạo cấp sở, Lãnh đạo UBND cấp huyện. Chất lượng văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành trong năm 2016 được đánh giá dựa trên các tiêu chí: tính đồng bộ, tính hợp lý, tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật. Khánh Hòa đạt 3,76/5 điểm (75,2%). Kết quả khảo sát như sau:

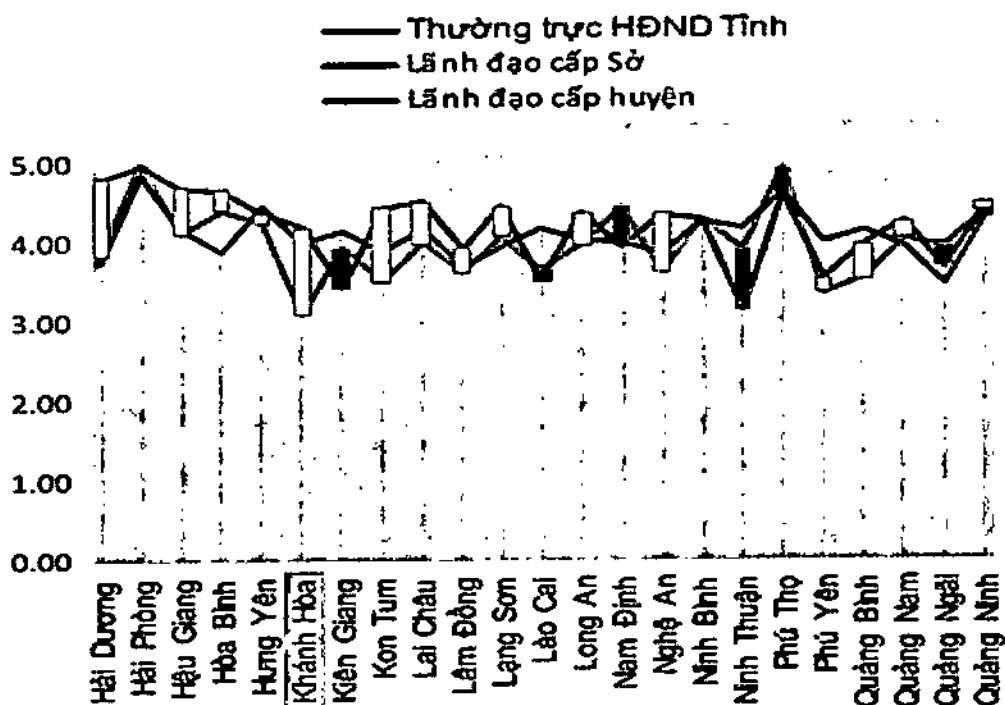
- Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh: 0,76/1 điểm (76%).

- Tính hợp lý của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh: 0,76/1 điểm (76%).

- Tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh: 0,75/1 điểm (75%).

- Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh: 1,5/2 điểm (75%).

Theo phân tích kết quả đánh giá từng đối tượng khảo sát của Bộ Nội vụ, Khánh Hòa có sự chênh lệch khá cao giữa đánh giá của các đối tượng được khảo sát. Lãnh đạo cấp sở và Lãnh đạo UBND cấp huyện có sự đánh giá khá tương đồng về chất lượng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, trong khi đó Thường trực HĐND tỉnh lại đánh giá khá thấp (xem biểu đồ).



Biểu đồ so sánh kết quả khảo sát đánh giá về chất lượng thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh theo từng đối tượng

Nhìn trên biểu đồ, khoảng cách giữa điểm đánh giá của Thường trực HĐND, Lãnh đạo cấp Sở và Lãnh đạo UBND cấp huyện được thể ở các ô màu

trắng hoặc màu đen. Ô màu trắng thể hiện đánh giá của Thường trực HĐND cấp tỉnh thấp hơn điểm đánh giá của Lãnh đạo cấp Sở và Lãnh đạo UBND cấp huyện, ô màu đen thể hiện điểm đánh giá của Lãnh đạo cấp Sở và Lãnh đạo UBND cấp huyện thấp hơn thường trực HĐND cấp tỉnh. Chiều dài các ô càng dài thì thể hiện mức độ chênh lệch càng cao.

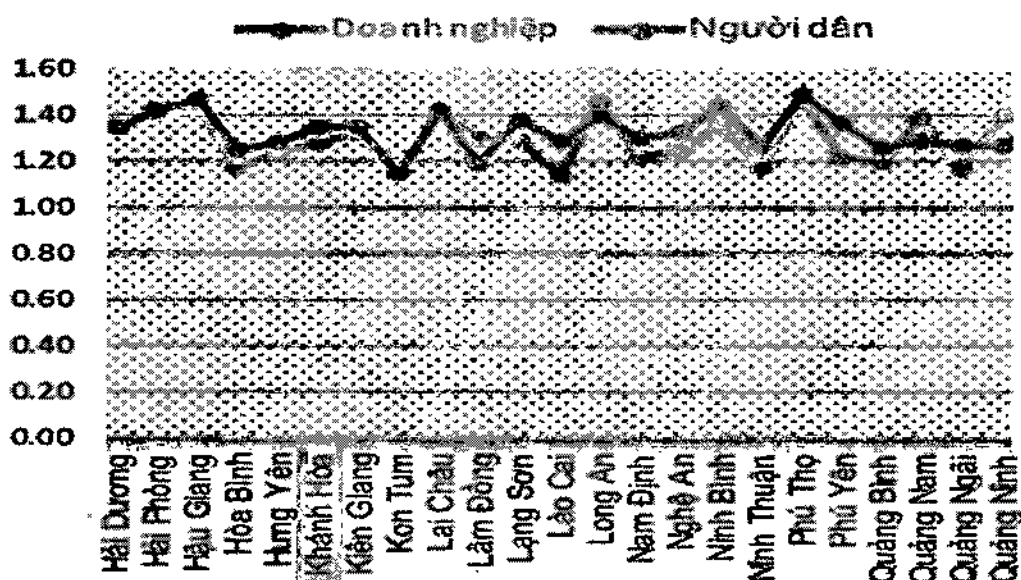
* Nhóm 3: “Tác động đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính” được xác định dựa trên kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp – những đối tượng chịu tác động trực tiếp của các quy định thủ tục hành chính. Theo đó, người dân, doanh nghiệp cho ý kiến đánh giá về tình hình giải quyết thủ tục hành chính tại tỉnh dựa trên 4 tiêu chí: cơ sở vật chất, trang thiết bị tại nơi giải quyết thủ tục hành chính; mức độ thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về thủ tục hành chính; mức độ đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ thủ tục hành chính; tính công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính. Khánh Hòa đạt 4,81/5,5 điểm (87,46%). Đây là tiêu chí được đánh giá cao nhất. Kết quả khảo sát như sau:

- Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: 1,34/1,5 điểm (89,33%).

- Sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về thủ tục hành chính: 0,85/1 điểm (85%).

- Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ thủ tục hành chính: 1,3/1,5 điểm (86,67%).

- Tính công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính: 1,32/1,5 điểm (88%).



Biểu đồ So sánh kết quả đánh giá của người dân, doanh nghiệp về tính công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương

Nhìn trên biểu đồ ta có thể thấy điểm đánh giá của người dân về tính công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính tại tỉnh cao hơn so với kết quả đánh giá của doanh nghiệp. Qua đó có thể thấy các cơ quan, đơn vị, địa phương

thuộc tình cần tiếp tục quán triệt, đẩy mạnh cải cách nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức, giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp trong thời gian tới:

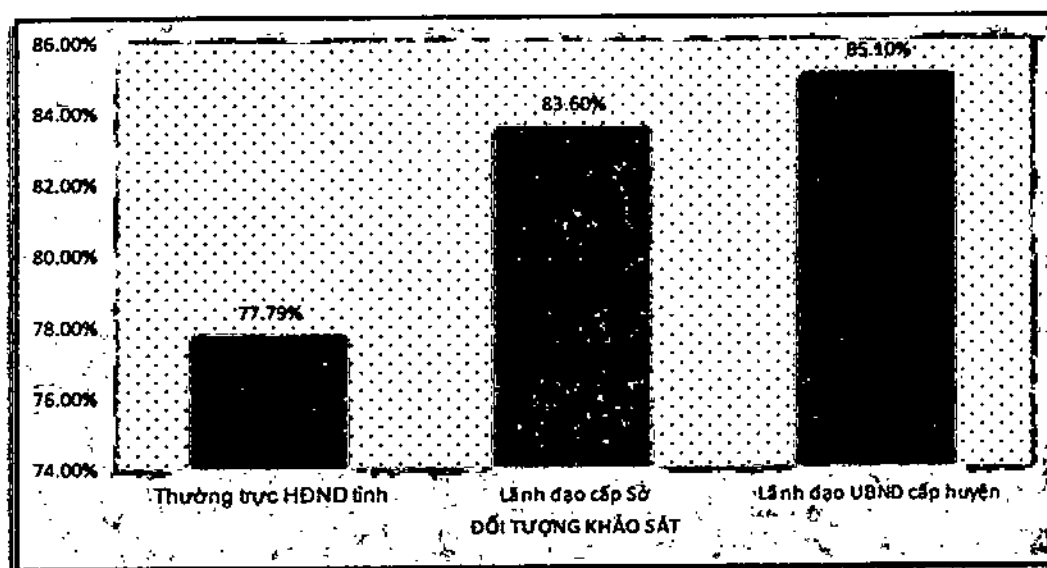
* Nhóm 4: “Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính” được xác định dựa trên kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của Thường trực HĐND tỉnh, Lãnh đạo cấp Sở và Lãnh đạo UBND cấp huyện. Tình hình tổ chức bộ máy hành chính của các địa phương được đánh giá trên các tiêu chí: việc thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh, tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền và tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện. Khánh Hòa đạt 3,03/4 điểm (75,75%). Kết quả khảo sát như sau:

- Đánh giá việc thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh: 0,73/1 điểm (73%)

- Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh: 1,17/1,5 điểm (78%)

- Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện: 1,13/1,5 điểm (75,33%)

Kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù tỉnh đã có nhiều nỗ lực đẩy mạnh cải cách, thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát, kiện toàn và sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định, tăng cường phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước (đạt điểm tối đa Chỉ số thành phần Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước). Tuy nhiên kết quả khảo sát lại cho kết quả rất thấp, thấp hơn mức trung bình chung của cả nước 6,22%. Theo báo cáo của Bộ Nội vụ, Lãnh đạo cấp sở và Lãnh đạo UBND cấp huyện đánh giá khá tốt về công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính ở địa phương với tỷ lệ 83,6% và 85,1%, trong khi đó nhóm đối tượng là Thường trực HĐND tỉnh đánh giá nội dung này khá thấp, chỉ đạt 77,79% (xem biểu đồ).



Biểu đồ Kết quả khảo sát các đối tượng đánh giá về tình hình cải cách tổ chức bộ máy hành chính tại địa phương

* Nhóm 5: “Tác động đến đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính” được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của người dân và doanh nghiệp về năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của công chức giải quyết thủ tục hành chính; tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính. Khánh Hòa đạt 4,5/5,5 điểm (81,82%) thấp hơn mức trung bình chung của tỉnh, thành phố 1,1%. Trong đó:

- Đánh giá về năng lực chuyên môn của công chức giải quyết thủ tục hành chính: 1,29/1,5 điểm (86%)

- Đánh giá về tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức giải quyết thủ tục hành chính: 1,66/2 điểm (83%)

- Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân: 0,91/1 điểm (91%)

- Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính: 0,64/1 điểm (64%)

Theo kết quả khảo sát thì người dân và doanh nghiệp đánh giá cao tính liêm khiết của đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính. Điều này cho thấy việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính thời gian qua đã giúp cho quy trình xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện ngày càng công khai, minh bạch. Qua đó đã giảm được tình trạng hạch sách, nhũng nhiễu của công chức khi giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Về các chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc, theo Báo cáo của Bộ Nội vụ, kết quả khảo sát lãnh đạo cấp huyện cho thấy, đa số người được hỏi đều trả lời rằng việc thực hiện các chính sách trên còn chưa đạt hiệu quả cao tại địa phương mình; số người tuyển dụng được theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đặt ra của chính sách là rất thấp. Bị đánh giá thấp nhất là Bắc Kạn (42%), cao nhất là tỉnh Đồng Nai với 98%. Khánh Hòa xếp thứ 31/63 tỉnh, thành phố, cùng điểm với Lai Châu, Quảng Bình và Vĩnh Long.

* Nhóm 6: “Tác động đến quản lý tài chính công” được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh và Lãnh đạo cấp sở về việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị; tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Khánh Hòa đạt 3,14/4,5 điểm (69,78%). Đây là nhóm tác động bị đánh giá thấp nhất và thấp hơn trung bình chung các tỉnh, thành phố là 8,82%. Cụ thể như sau:

- Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị: 1,14/1,5 điểm (76%)

- Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính: 1,02/1,5 điểm (68%)

- Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập: 0,98/1,5 điểm (65,33%)

* Nhóm 7: “Tác động đến hiện đại hóa hành chính” được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của Lãnh đạo cấp sở; Lãnh đạo UBND cấp huyện; Người dân; Doanh nghiệp đối với tính kịp thời, mức độ đầy đủ và mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng /Trang thông tin điện tử của tỉnh; tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO. Khánh Hòa đạt 3,23/4 điểm (80,75%). Trong đó:

- Tính kịp thời của thông tin được cung cấp tin trên Cổng /Trang thông tin điện tử của tỉnh: 0,8/1 điểm (80%)

- Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng /Trang thông tin điện tử của tỉnh: 0,79/1 điểm (79%)

- Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng /Trang thông tin điện tử của tỉnh: 0,83/1 điểm (83%)

- Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO: 0,81/1 điểm (81%)

* Nhóm 8: “Tác động đến chất lượng cung cấp dịch vụ công” dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của Người dân về chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập và dịch vụ giáo dục công lập. Khánh Hòa đạt 2,86/4 điểm (71,5%), trong đó:

- Đánh giá về chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập: 1,37/2 điểm (68,5%)

- Đánh giá về chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục công lập: 1,49/2 điểm (74,5%)

Năm 2015, kết quả khảo sát chất lượng dịch vụ y tế công lập đạt 83,25% và chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục công lập đạt 87,33%. Như vậy, trong khi chất lượng dịch vụ hành chính công được nâng lên thì chất lượng dịch vụ y tế công lập và giáo dục công lập theo ghi nhận từ người dân lại giảm xuống. Điều này cho thấy ngành y tế và giáo dục cần phải có nhiều giải pháp quyết liệt và đột phá để nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho người dân.

b) Nhận xét về kết quả Chỉ số tác động của cải cách hành chính

Trong khi Chỉ số kết quả thực hiện cải cách hành chính của tỉnh được Bộ Nội vụ đánh giá rất tốt, đứng thứ 4/63 tỉnh, thành phố thì Chỉ số về tác động của cải cách hành chính đứng thứ 42/63 tỉnh, thành phố; kéo theo kết quả PAR-Index 2016 tỉnh Khánh Hòa đứng 12/63 tỉnh, thành phố.

Tổng hợp phiếu khảo sát cho thấy, có trường hợp đại biểu HĐND chưa hiểu rõ nội dung câu hỏi nên chọn phương án trả lời không phù hợp (ví dụ: một đại biểu HĐND khi được hỏi “Xin ông / bà vui lòng cho biết đánh giá của mình về

tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh” đã đánh giá ở mức trung bình và nêu ví dụ Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo có nhiều điểm còn mâu thuẫn). Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh chưa được các đại biểu HĐND cập nhật đầy đủ nên có những đánh giá chưa chính xác vào Phiếu khảo sát. Qua theo dõi của Sở Nội vụ thì những tiêu chí lấy ý kiến người dân và doanh nghiệp đều được đánh giá khá tốt (ngoại trừ y tế và giáo dục); còn các tiêu chí lấy ý kiến Thường trực HĐND tỉnh đều có kết quả rất thấp qua các năm khảo sát.

Qua so sánh, đối chiếu, nhiều tỉnh, thành phố có kết quả cải cách hành chính kém nhiều hơn so với Khánh Hòa nhưng có điểm điều tra xã hội học về tác động của cải cách hành chính lại cao hơn rất nhiều, ví dụ: Bình Định, Thanh Hóa, Long An, Phú Thọ,... Bộ Nội vụ cũng đã phát hiện điểm bất thường nêu trên và có dự kiến nghiên cứu, cải tiến phương pháp điều tra xã hội học, tăng cường giám sát để cho ra kết quả điều tra trung thực, khách quan, thực chất.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đánh giá chung

Năm 2016 là năm đầu tiên Bộ Nội vụ áp dụng hệ thống tiêu chí đánh giá mới để đánh giá Chỉ số PAR-Index của các Bộ, các tỉnh, thành phố. Đây là hệ thống tiêu chí cập nhật rất nhiều nội dung mới, rõ ràng, chặt chẽ và có tính định lượng cao, tiêu chuẩn đạt điểm tối đa rất cao.

Để đạt kết quả tốt thì việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính của các Bộ, các tỉnh, thành phố phải thực chất, có kết quả cụ thể, đáp ứng tiêu chuẩn tiêu chí đề ra. Cũng theo hệ thống tiêu chí này, kết quả chung của tỉnh trên nhiều tiêu chí thành phần là tổng hợp kết quả thực hiện cải cách hành chính của toàn bộ cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, phương pháp tự chấm điểm, giải trình và các tài liệu, số liệu, nguồn thông tin kiểm chứng phải được cung cấp, thuyết minh rõ ràng, chặt chẽ và thuyết phục được Hội đồng thẩm định.

Việc áp dụng hệ thống tiêu chí mới và phương pháp mới, Chỉ số CCHC và thứ hạng PAR Index năm 2016 có biến động rất mạnh so với năm trước (ví dụ: Hậu Giang năm 2015 đạt Chỉ số 86,05% xếp thứ 28/63 tỉnh, thành phố, tuy nhiên năm 2016 Chỉ số CCHC chỉ đạt 62,55% xếp thứ 63/63 tỉnh, thành phố; Bạc Liêu từ hạng 12 xuống hạng 45; Tây Ninh từ 29 xuống 44; Hà Giang từ 57 lên 28; Đắk Lắk từ 54 lên 26). Điểm trung bình chung năm 2016 của các tỉnh, thành phố chỉ còn 74,64%; giảm 10,47% so với năm 2015 (85,11%).

Với kết quả 8 tiêu chí đều có chỉ số cao hơn chỉ số trung bình chung cả nước, kết quả chung xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố (tăng 5 bậc so với năm 2015), có thể khẳng định tỉnh Khánh Hòa tiếp tục có những tiến bộ tích cực trong công tác cải cách hành chính. Kết quả này có được nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự nỗ lực, cố gắng chung các sở, ngành,

địa phương của tỉnh. Nhiều tiêu chí tiếp tục duy trì thứ hạng cao, tốp đầu cả nước như: chỉ đạo, điều hành CCHC, cải cách tổ chức bộ máy, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Đó là những mặt tích cực cần tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

Tuy nhiên, đối với những tiêu chí thành phần tỉnh Khánh Hòa bị trừ điểm, thì chỉ có 01 tiêu chí do khách quan, đó là “Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt” (do Bộ Nội vụ chưa thẩm định vị trí việc làm sự nghiệp). Còn lại là do lỗi chủ quan của các cơ quan được giao chủ trì các nội dung, tiêu chí cải cách hành chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan, gồm:

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

- Theo dõi thi hành pháp luật

- Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức

- Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã và cán bộ cấp xã

- Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp

- Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin

- Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 4

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO

Còn lại một số tiêu chí, thực tế chúng ta làm rất tốt so với hầu hết tỉnh, thành phố, nhưng do cách tổng hợp số liệu, báo cáo cho cấp trên chưa thống nhất, chưa chuẩn mực và giải trình không chặt chẽ, bị mâu thuẫn giữa các tài liệu, số liệu nên bị mất điểm. Đó là: “Tỷ lệ trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử”; “Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức độ 3”.

Trong quá trình tham mưu triển khai tự chấm điểm, các cơ quan thành viên Tổ giúp việc đã có rất nhiều cố gắng trong việc đánh giá, giải trình và cung cấp tài liệu kiểm chứng, nhưng qua thẩm định của Bộ Nội vụ, có đến 13 tiêu chí thành phần buộc phải bổ sung tài liệu kiểm chứng và giải trình lại (tổng số điểm tối đa các tiêu chí này là 12,5 điểm, nhưng Bộ Nội vụ thẩm định lần 1 chỉ đạt, 2,5 điểm). Với trách nhiệm thường trực Ban chỉ đạo CCHC, Tổ trưởng Tổ giúp việc, Sở Nội vụ đã chủ trì nghiên cứu, tham mưu bổ sung kịp thời, hợp lý các tài liệu kiểm chứng, linh hoạt trong cách giải trình bổ sung, thuyết phục được Hội đồng thẩm định của Trung ương nên kết quả đã nâng lên được 5,5 điểm (từ 2,5 điểm/12,5

điểm lên 8 điểm/12,5 điểm); góp phần tích cực để có kết quả chung như đã công bố.

Về kết quả điều tra xã hội học Chỉ số tác động của cải cách hành chính, đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh chưa sát có nguyên nhân là thông tin về tình hình, kết quả cải cách hành chính của tỉnh chưa được cập nhật đầy đủ. Từ quý I/2017, Sở Nội vụ đã chủ động bổ sung Văn phòng HĐND và các ban của HĐND tỉnh vào nơi nhận các văn bản, tài liệu, báo cáo định kỳ về cải cách hành chính. Đồng thời, sẽ nghiên cứu đề tham mưu triển khai điều tra xã hội học trong các năm tới được hiệu quả hơn.

2. Kiến nghị, đề xuất

Để tiếp tục cải thiện chỉ số cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa một cách bền vững trong những năm tiếp theo, đòi hỏi toàn bộ các sở, ngành, địa phương phải tiến hành cải cách hành chính một cách đồng bộ, toàn diện, liên tục và thực chất. Sở Nội vụ kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tăng cường trách nhiệm lãnh đạo tổ chức thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; Chỉ thị 19/CT-UBND ngày 29/8/2016, Chương trình hành động số 12-CTr/TU của Tỉnh ủy và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh.

Toàn bộ các sở, ngành, địa phương phải quyết liệt giảm hồ sơ trễ hạn, phấn đấu tiến tới 100% hồ sơ đúng và sớm hạn; thực hiện công khai đầy đủ, đúng quy định toàn bộ thủ tục hành chính. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh thực hiện văn bản điện tử, thực hiện các giải pháp tích cực để nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 theo danh mục được UBND tỉnh công bố.

UBND các huyện, thị xã, thành phố phải phấn đấu đạt chỉ tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã. Ngành y tế và giáo dục phải xây dựng và triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ công và mức độ hài lòng của người dân. Toàn bộ sở, ngành, địa phương phải tập trung đẩy mạnh tuyên truyền cải cách hành chính; cung cấp đầy đủ thông tin dịch vụ công cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Các sở được giao chủ trì tham mưu các nội dung đánh giá, chấm điểm PAR Index phải chủ động rà soát để tham mưu ban hành kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện, báo cáo đánh giá đầy đủ, đúng thời hạn quy định, đôn đốc và đề nghị xử lý trách nhiệm các cơ quan triển khai chậm trễ, không có báo cáo. Đối với những nội dung tiêu chí không có điểm vì triển khai chậm, không đạt yêu cầu thì phải tham mưu triển khai ngay và phấn đấu đạt cao hơn tiêu chuẩn của Bộ Nội vụ. Nghiên cứu, cải tiến hệ thống thông tin, tổng hợp số liệu báo cáo báo đảm thống nhất, chuẩn mực, chặt chẽ, chính xác, phản ánh đúng và đủ kết quả triển khai thực tế của tỉnh. Các sở chủ trì phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu kết quả các năm sau lặp lại những thiếu sót, hạn chế thời gian qua.

Sở Nội vụ chủ trì nghiên cứu, cải tiến việc điều tra xã hội học tại tỉnh; báo cáo, kiến nghị với Bộ Nội vụ để có những điều chỉnh phù hợp về phương pháp triển khai, cách thức chấm điểm, thẩm định để bảo đảm công bằng, đúng thực tế.

Trên đây là báo cáo tóm tắt Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 tỉnh Khánh Hòa và một số kiến nghị, đề xuất. Sở Nội vụ kính báo cáo./. *th*

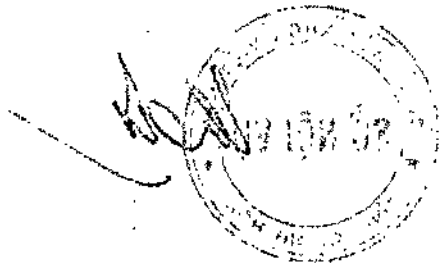
Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- TT.UBND tỉnh (báo cáo);
- VP. TU, các ban Đảng, Đảng ủy Khối;
- VP. HĐND và các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong (VBĐT);
- Các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh (VBĐT);
- Các Huyện, Thị, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (VBĐT);
- Các thành viên Ban chỉ đạo CCHC tỉnh (VBĐT);
- Công TTĐT tỉnh, Công TTĐT CCHC tỉnh (VBĐT);
- Đài PT-TH Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Thái



Phụ lục

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH KHÁNH HÒA

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-SNV ngày /7/2017 của Sở Nội vụ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tỷ đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA TỈNH	62	56	45,5	51	
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	8,5	7,5	7,5	7,5	
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2	2	2	2	
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch - Ban hành kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch): 0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	Ban hành kịp thời (28/12/2015)
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC - Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	- Các nhiệm vụ trong Kế hoạch CCHC của tỉnh được xác định đầy đủ theo 6 lĩnh vực CCHC trong Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ - Căn cứ mục tiêu, quan điểm đã được xác định, các nội dung, nhiệm vụ CCHC cụ thể của năm 2016, tiến độ, phân công trách nhiệm thực hiện và kết quả dự kiến được xác định rõ
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC - Hoàn thành 100% kế hoạch:	1	1	1	1	Kế hoạch CCHC năm 2016 của tỉnh xác định 39 nhiệm vụ phải thực hiện. Tổng kết năm 2016 cho thấy, có 39/39 nội dung công việc đã hoàn thành trong năm 2016 (đạt 100% kế hoạch)
1.2	Thực hiện công tác báo cáo CCHC	2	1	1	1	
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ - Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội	1	1	1	1	UBND tỉnh Khánh Hòa đã gửi đầy đủ 04 báo cáo (văn bản giấy và văn bản điện tử gửi qua email: vucchc@moha.gov.vn)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	<i>dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 1</i>					
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC - Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1 - Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0,5 - Điểm tự chấm sai số trên 3% so với kết quả thẩm định	1	Không tự đánh giá	0	0	Điểm tự chấm 56 điểm, điểm thẩm định 51, sai số 8%
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2	2	2	2	
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm - Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1	1	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2016 ban hành kèm theo Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh, trong đó kiểm tra 07 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 03 đơn vị hành chính cấp huyện (10/28 đạt tỷ lệ 35,71%), 03 đơn vị ngành dọc và 03 đơn vị trực thuộc, 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và 03 đơn vị hành chính cấp xã - Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch 410/KH-SNV ngày 07/3/2016 về kiểm tra chuyên đề giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Phần mềm một cửa điện tử, theo đó thực hiện kiểm tra 6 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 04 đơn vị hành chính cấp huyện và 10 đơn vị hành chính cấp xã - Kế hoạch số 4053/KH-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh về việc kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016, trong đó tiến hành kiểm tra đối với 06 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 04 đơn vị hành chính cấp huyện và 08 đơn vị hành chính cấp xã - Kế hoạch kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa năm 2016 được ban hành kèm theo Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 26/8/2016, theo đó thực hiện kiểm tra toàn bộ 83 Hệ thống quản lý chất lượng theo 2 hình thức: Kiểm tra thông qua hồ sơ và báo cáo; kiểm tra trực tiếp tại trụ sở cơ quan
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra <i>- 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>	1	1	1	1	* Kết quả thực hiện Kế hoạch kiểm tra: - Đã kiểm tra theo Quyết định số 3011/QĐ-UBND 10/10 Sở, UBND cấp huyện, 03 đơn vị ngành dọc và 03 đơn vị trực thuộc, 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và 03 đơn vị hành chính cấp xã - Kiểm tra theo Kế hoạch số 410/KH-SNV tại 6/6 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 4/4 đơn vị cấp huyện và 10 đơn vị hành chính cấp xã - Kiểm tra theo Kế hoạch số 4053/KH-UBND tại 10/10 sở, UBND cấp huyện và 8 đơn vị hành chính cấp xã - Kiểm tra theo Quyết định số 2530/QĐ-UBND tại trụ sở của 30 cơ quan hành chính nhà nước => Hoàn thành 100% kế hoạch * Qua công tác kiểm tra CCHC, tất cả các vấn đề phát hiện đều đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1,5	1,5	1,5	1,5	
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC <i>- Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5</i>	0,5	0,5	0,5	0,5	- Văn bản tuyên truyền: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 942/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND tỉnh về tuyên truyền CCHC năm 2016; Sở Nội vụ cũng đã ban hành Công văn số 1188/SNV-CCHC ngày 08/6/2016 đề nghị các sở, ban, ngành tập trung triển khai thực hiện đầy đủ, toàn diện các nội dung của Kế hoạch

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						- Tỉnh đã hoàn thành 100% kế hoạch; đạt mục tiêu, yêu cầu kế hoạch; thực hiện tuyên truyền đầy đủ, thiết thực các nội dung; phù hợp với từng đối tượng và phong phú, đa dạng về hình thức, biện pháp thực hiện. Từ kết quả tuyên truyền, hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 đã tăng gấp trên 10 lần so với năm 2015
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC - Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thống: 0,5 - Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0,5	1	1	1	1	<p>1. Thành lập chuyên trang “Đồng hành cùng doanh nghiệp” trên website khanhhoa.gov.vn và công bố Đường dây nóng tiếp nhận, giải đáp vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục đầu tư, kinh doanh nhằm cung cấp thông tin, giải đáp vướng mắc, hướng dẫn và hỗ trợ để doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận thuận lợi hơn các nguồn thông tin chính thống phục vụ sản xuất, kinh doanh, thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường hỗ trợ, giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.</p> <p>2. Tuyên truyền trực quan: tuyên truyền trực quan các phương châm, khẩu hiệu CCHC; công khai bộ thủ tục hành chính, số điện thoại đường dây nóng,... tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cơ quan; Bưu điện tỉnh triển khai tuyên truyền lưu động, qua loa truyền thanh dịch vụ chuyển phát nhanh kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.</p> <p>3. Kết hợp tuyên truyền CCHC với công tác dân vận chính quyền, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác thanh niên: Tổ chức lồng ghép tuyên truyền nhiệm vụ CCHC dưới nhiều hình thức đa dạng như: hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý lưu động, tư vấn, hướng dẫn, giải đáp về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt tập trung vào các lĩnh vực như đất đai, chính sách người có công, đền bù giải tỏa, tư pháp,... Kết quả kiểm tra CCHC các năm qua cho thấy, hầu hết các cơ quan, đơn vị, địa phương đều chú trọng, thực hiện có hiệu quả.</p> <p>4. Lồng ghép nội dung CCHC vào các tiểu phẩm trong các</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						<p>cuộc thi tìm hiểu chính sách, pháp luật, tìm hiểu CCHC.</p> <p>5. Đẩy mạnh tuyên truyền việc nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng Internet ở mức độ 3: Phát 9.000 tờ rơi hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3 cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp có giao dịch hồ sơ, thủ tục hành chính thông qua việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.</p> <p>- Tạo banner "Hãy nộp hồ sơ điện tử để giảm giấy tờ, thời gian và chi phí" trên Cổng TTĐT CCHC tỉnh và Công/Trang TTĐT các Sở, ngành, đơn vị, địa phương; khảo sát ý kiến khách hàng đã sử dụng dịch vụ trực tuyến mức độ 3 nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn trong thời gian tới (kèm phiếu khảo sát).</p> <p>6. Triển khai khảo sát kiến thức CCHC đối với cán bộ, công chức, viên chức các Sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện, cấp xã (phiếu khảo sát kèm theo).</p> <p>7. Thành lập bộ phận hỗ trợ, hướng dẫn trực tiếp cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính ngay tại trụ sở (ví dụ: UBND thành phố Nha Trang thành lập Đội thanh niên tình nguyện tham gia CCHC).</p> <p>8. Công đoàn viên chức tỉnh Khánh Hòa đưa nội dung CCHC vào Hội thi Văn hóa công sở năm 2016, qua đó phổ biến, tuyên truyền sâu rộng các kiến thức về Cải cách hành chính Nhà nước, Quy chế văn hóa công sở,... với thông điệp: "Sự hài lòng của nhân dân là mục tiêu phục vụ của cơ quan nhà nước".</p> <p>9. Một số hình thức khác do các Sở, ngành, địa phương thực hiện.</p>
1.5	Sáng kiến trong cải cách hành chính	1	1	1	1	<p>Một số sáng kiến trong triển khai công tác CCHC:</p> <p>1. Thực hiện ghép nối các thủ tục hành chính có liên hệ chặt</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	- Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh trong năm: 1					<p>chẽ với nhau để cho phép giải quyết trên một quy trình, bổ sung vào danh mục quy trình trên Phần mềm một cửa điện tử; người dân, tổ chức và doanh nghiệp chỉ nộp hồ sơ một lần để giải quyết đồng thời nhiều yêu cầu công việc, cụ thể:</p> <p>- Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký kinh doanh - đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông;</p> <p>- Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế giải quyết liên thông thủ tục cấp phép xây dựng công trình quảng cáo - chấp thuận thi công công trình quảng cáo - tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo ngoài trời;</p> <p>- Quyết định số 4163/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế giải quyết thủ tục hành chính về đất đai liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.</p> <p>2. Xây dựng và triển khai Phần mềm nhắc việc của UBND tỉnh giúp kiểm soát chặt chẽ toàn bộ nhiệm vụ, phần việc có ấn định thời hạn xử lý, khắc phục dần tình trạng chậm trễ, bỏ sót công việc, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.</p> <p>3. Triển khai trên diện rộng tin nhắn tự động (SMS) thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.</p>
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	7,5	6,5	4,75	6,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
2.1	<i>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh</i>	2	1,5	1,5	1,5	
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt - 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1,5 - Từ 90% - dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1	1,5	1	1	1	<p>1. Theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về Chương trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa năm 2016, số nghị quyết quy phạm pháp luật (do UBND tỉnh trình) dự kiến ban hành trong năm 2016 là 24 nghị quyết, trong đó có 02 nghị quyết về lệ phí không còn thuộc danh mục phí và lệ phí theo Luật phí và lệ phí (Nghị quyết cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất và lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển), còn 22 nghị quyết, đã ban hành 20 nghị quyết, chưa ban hành 02 nghị quyết</p> <p>2. Theo Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh năm 2016 thì dự kiến ban hành 26 văn bản + 10 văn bản bổ sung vào Chương trình (tổng cộng 36 văn bản)</p> <p>Các quyết định sau đây mặc dù có trong Chương trình nhưng đã có sự điều chỉnh thay đổi, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định ban hành Quy định một số nội dung về việc chuyển nhượng dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã ban hành bằng Quyết định hành chính thông thường (Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 08/7/2016); - Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động vận tải đường thủy nội địa và quy định về thủ tục một cửa tại cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển đã được ban hành bằng Quyết định hành chính thông thường (Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 29/4/2016);

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định ban hành Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách 2017-2020 bị nhầm lẫn, đã được ban hành dưới hình thức Nghị quyết; - Quyết định ban hành Bộ đơn giá dùng chung hạ tầng viễn thông đã được rút khỏi Chương trình ban hành văn bản QPPL của UBND tỉnh (công văn số 5144/UBND-NC ngày 18/7/2016 về việc điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản QPPL của UBND tỉnh); - Quyết định ban hành Quy định về quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (được rút khỏi Chương trình ban hành văn bản QPPL của UBND tỉnh); - Quyết định về việc ban hành quy trình thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách (rút khỏi Chương trình ban hành văn bản QPPL của UBND tỉnh vì văn bản QPPL của tỉnh không được quy định thủ tục hành chính nếu như không được Luật giao); - Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được ban hành kèm theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa (chuyển sang ban hành trong năm 2017); <p>=> Tổng số văn bản quy phạm theo danh mục được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là: 22 NQ + 30 QĐ = 52 văn bản, đã ban hành 20 NQ + 27 QĐ = 47 văn bản, chiếm tỷ lệ $47/52 \times 100\% = 90,38\%$</p>
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL - 100% văn bản QPPL ban hành	0,5	0,5	0.5	0.5	Trong tổng số 47 văn bản QPPL (gồm 20 Nghị quyết và 27 Quyết định) đã được ban hành thì 47/47 văn bản QPPL được xây dựng đúng quy trình (đạt tỷ lệ 100%)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	<i>trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0,5</i>					
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	2,5	2	1	2	
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh <i>- Hoàn thành 100% kế hoạch</i>	1	1	1	1	- Quyết định số 3587/QĐ-UBND ngày 11/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa - Báo cáo số 178/BC-UBND ngày 25/10/2016 Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, theo đó đã hoàn thành 6/6 nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch (đạt tỷ lệ 100%)
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật <i>- Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i> <i>- Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0,5</i>	0,5	0	0	0	Báo cáo số 178/BC-UBND ngày 25/10/2016 Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã đầy đủ các nội dung theo quy định, tuy nhiên thời gian gửi chậm hơn so với quy định tại Khoản 5 Điều 17 Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật <i>- 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>	1	1	0	1	100% các vấn đề phát hiện qua quá trình theo dõi thi hành pháp luật đã kiến nghị xử lý cụ thể trong Báo cáo số 178/BC-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh. Đối với những kiến nghị thuộc thẩm quyền xử lý của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các cơ quan có liên quan xử lý
2.3	Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1,5	1,5	1	1,5	
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5	0,5	0	0,5	- <i>Tự chấm điểm lần 1:</i> chưa đến thời hạn Báo cáo năm theo quy định của Bộ Tư pháp nên Bộ Tư pháp thẩm định chưa cho điểm

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	<i>- Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>					<i>- Giải trình bổ sung đã gửi Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa báo cáo tình hình công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2016 đúng thời gian quy định của Bộ Tư pháp nên được chấm điểm tối đa</i>
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL <i>- 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>	1	1	1	1	Báo cáo số 250/BC-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh về kết quả rà soát Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2011 – 2016
2.4	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	1,5	1,5	1,25	1,5	
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL <i>- Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>	0,5	0,5	0,5	0,5	Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa báo cáo tình hình công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2016
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra <i>- 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>	1	1	0,75	1	Qua công tác kiểm tra, tất cả các vấn đề phát hiện đều đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	9	9	7,5	8,5	
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)	2	2	2	2	
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính <i>- Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>	1	1	1	1	<i>- Quyết định số 3609/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 - Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 về ban hành</i>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						bổ sung Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2016 - Công văn số 1868/STP-KSTTHC ngày 30/11/2016 về kết quả rà soát TTHC trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2016, theo đó tỉnh đã hoàn thành 27/27 nhiệm vụ đề ra trong các Kế hoạch (đạt tỷ lệ 100%)
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát - 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1	1	1	1	1	Báo cáo số 218/BC-UBND ngày 08/12/2016 về kết quả rà soát TTHC năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, 100% vấn đề phát hiện qua rà soát đều được kiến nghị xử lý
3.2	Công bố, cập nhật thủ tục hành chính	2	2	2	2	
3.2.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ - Công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1	1	1	1	1	- Trong năm 2016, UBND tỉnh không ban hành VBQPPL có quy định về TTHC - UBND tỉnh đã ban hành 51 Quyết định công bố thủ tục hành chính gồm 1.103 thủ tục hành chính ban hành mới, 1.099 thủ tục bãi bỏ (công bố lại theo Quyết định công bố TTHC của cơ quan Trung ương theo Báo cáo số 243/BC-UBND ngày 21/12/2016 về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 lần 1 trên địa bàn tỉnh)
3.2.2	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia - Kịp thời: 1	1	1	1	1	Đã hoàn thành chuẩn hóa và cập nhật 1.562 TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia thủ tục hành chính (Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa đã có Công văn số 1023/STP-KSTTHC ngày 22/7/2016, Công văn số 1443/STP-KSTTHC ngày 03/10/2016, Công văn số 1656/STP-KSTTHC ngày 04/11/2016, Công văn số 1796/STP-KSTTHC ngày 21/11/2016, Công văn số 1840/STP-KSTTHC ngày 28/11/2016, Công văn số 1918/STP-KSTTHC ngày 08/12/2016 đề nghị Cục Kiểm soát TTHC công khai

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia)
3.3	Công khai thủ tục hành chính	3	3	1,5	2,5	
3.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - 100% số cơ quan, đơn vị: 1 - Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,5	1	1	0,5	0,5	- <i>Giải trình lần 1:</i> 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đúng quy định Trên cơ sở Thông báo kết luận kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 4053/KH-UBND ngày 13/6/2017 của UBND tỉnh, tại Mục 6 về Thực hiện công khai thủ tục hành chính đã chỉ ra “Còn một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc việc niêm yết công khai thủ tục hành chính...” , do đó Bộ Tư pháp thẩm định nội dung này chỉ chấm 0,5 điểm
3.3.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị - 100% số cơ quan, đơn vị: 1 - Dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0	1	1	0	1	- <i>Giải trình lần 1:</i> 100% các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị Tại thời điểm kiểm chứng, Mục TTHC công trên trang của huyện Vạn Ninh không mở được nên Bộ Nội vụ thẩm định không cho điểm tiêu chí này - <i>Giải trình bổ sung:</i> Thời điểm kiểm tra, đường link liên kết bị lỗi, không kết nối được. Hiện Trang thông tin điện tử của huyện Vạn Ninh hoạt động bình thường, TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định tại địa chỉ: tthc.vanninh.khanhhoa.gov.vn (đính kèm hình ảnh minh họa)
3.3.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh - 100% số thủ tục hành chính: 1	1	1	1	1	- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh được công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa tại địa chỉ: http://www.khanhhoa.gov.vn và Cổng thông tin điện tử CCHC tỉnh Khánh Hòa tại địa chỉ: http://www.cchc.khanhhoa.gov.vn - Tổng số TTHC 3 cấp là 1.536, trong đó cấp tỉnh 1.193, cấp

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						huyện 219, cấp xã 124 (Báo cáo số 243/BC-UBND ngày 21/12/2016). Tổng số TTHC được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh là 1.562 trong đó cấp tỉnh là 1.219 (có sự khác biệt là do 105 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư được công bố theo Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh được chi tiết hóa quy trình thành 131 quy trình TTHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để thuận tiện trong việc giải quyết trên phần mềm một cửa điện tử), cấp huyện 219; cấp xã 124
3.4	<i>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh</i>	2	2	2	2	
3.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh <i>- Thực hiện đúng quy định: 1</i>	1	1	1	1	Báo cáo số 243/BC-UBND ngày 21/12/2016 về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 lần 1 trên địa bàn tỉnh
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh <i>- 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>	1	1	1	1	Báo cáo số 243/BC-UBND ngày 21/12/2016 về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 lần 1 trên địa bàn tỉnh (đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết 02/02 phản ánh, kiến nghị)
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	6,5	6,5	4,5	6,5	
4.1	<i>Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ,</i>	<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	Triển khai thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	<i>ngành về tổ chức bộ máy</i> - Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1,5					ương, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Căn cứ Thông tư liên tịch hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Nội vụ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Trên cơ sở đó, các cơ quan đã ban hành Quy chế làm việc, quy định mối quan hệ công tác của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt động
4.2	<i>Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện</i>	2	2	1	2	
4.2.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra - Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1	1	1	1	1	Thực hiện kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2016 của tỉnh; trong đó kiểm tra 07 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 03 đơn vị hành chính cấp huyện (10/28 đạt tỷ lệ 35,71%), 03 đơn vị ngành dọc và 03 đơn vị trực thuộc, 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và 03 đơn vị hành chính cấp xã (xem Báo cáo số 2861/BC-SNV ngày 30/12/2016 của Sở Nội vụ)
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra - 100% số vấn đề phát hiện được xử	1	1	0	1	- Giải trình lần 1: Đã kiểm tra 10/10 cơ quan, đơn vị, đạt tỷ lệ 100%. 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (xem Báo cáo số 2861/BC-SNV ngày

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	<p>lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</p> <p>- Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</p> <p>- Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</p> <p>- Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</p>					<p>30/12/2016 của Sở Nội vụ)</p> <p>Bộ Nội vụ thẩm định không cho điểm tiêu chí này và đề nghị cung cấp các văn bản xử lý của UBND tỉnh</p> <p>- Giải trình lần 2: Thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2016 của tỉnh, trong đó đã kiểm tra 07 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 03 đơn vị hành chính cấp huyện, 03 đơn vị ngành dọc và 03 đơn vị trực thuộc; 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh. Thực hiện hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, đến nay UBND tỉnh Khánh hòa đã ban hành Quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của 20/21 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong, ban hành Bản hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của 14 phòng chuyên môn cấp huyện. Căn cứ hướng dẫn của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã hoàn thành kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc cấp mình quản lý. Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra nhận thấy việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan được kiểm tra thực hiện theo đúng các quy định hiện hành, không phát hiện vấn đề gì cần xử lý</p>
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	3	3	1	2	
4.3.1	<p>Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành</p> <p>- Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</p>	1	1	1	1	<p>Thực hiện đầy đủ phân cấp quản lý theo quy định của Chính phủ (tài liệu kiểm chứng là các Quyết định của UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền cho một số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước)</p>
4.3.2	<p>Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã</p>	1	1	1	1	<p>Đã kết hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 về Kiểm tra công tác CCHC năm 2016. Bên cạnh đó, UBND cấp huyện đã thực hiện rà soát,</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	- Thực hiện đầy đủ các quy định: 1					báo cáo một số nội dung về thực trạng phân cấp quản lý giữa 3 cấp chính quyền địa phương. Trên cơ sở đó, tiếp tục đề xuất phân cấp ủy quyền cho UBND cấp huyện để UBND cấp huyện chủ động trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao
4.3.3	<p>Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 - Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 - Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25 - Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 	1	1	0	1	<p>- Giải trình lần 1: Các vướng mắc, khó khăn và các sự việc phát hiện qua kiểm tra được xử lý</p> <p>Qua thẩm định, Bộ Nội vụ chưa cho điểm tiêu chí này và đề nghị cung cấp văn bản chỉ đạo hoặc thông báo kết luận của UBND tỉnh về xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra phân cấp</p> <p>- Giải trình lần 2: Trên cơ sở kết quả kiểm tra của những năm trước, đồng thời qua rà soát trong quá trình quản lý điều hành, ngày 22/02/2016, UBND tỉnh Khánh Hòa có Công văn số 1100/UBND-TH về việc nghiên cứu phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp huyện, trong đó chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, rà soát, đề xuất việc phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước ở các ngành, lĩnh vực hiện thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; đồng thời giao Sở Nội vụ chủ trì xây dựng Báo cáo UBND tỉnh.</p> <p>Đồng thời, triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước, tại cuộc họp thường kỳ tháng 8/2016, sau khi nghe Sở Nội vụ báo cáo đề xuất việc phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp huyện một số nội dung quản lý nhà nước. Kết luận cuộc họp, Chủ tịch UBND tỉnh đã thống nhất đề xuất phân cấp cho UBND cấp huyện thực hiện 8 nội dung và ủy quyền cho UBND cấp huyện thực hiện 12 nội dung (chi tiết tại Thông báo số 434/TB-UBND ngày 22/8/2016).</p> <p>Kết quả kiểm tra CCHC năm 2016 cho thấy, các nội dung phân</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						cấp, ủy quyền đang được triển khai theo đúng quy định và chỉ đạo (trang 8 Báo cáo số 2861/BC-SNV ngày 30/12/2016 của Sở Nội vụ Báo cáo kết quả kiểm tra công tác CCHC năm 2016). Vì thời gian triển khai theo Nghị quyết số 21/NQ-CP chưa dài, phải cần thêm thời gian để tổng hợp thực tiễn.
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	9,5	9	7,5	7,5	
5.1	<i>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</i>	2	2	1	1	
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt - 100% số cơ quan, tổ chức: 1	1	1	1	1	- Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm đối với các cơ quan, tổ chức hành chính trên địa bàn tỉnh (<i>Danh mục các Quyết định ban hành Bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm đối với các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh</i>). - 100% các cơ quan, đơn vị bố trí công chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với từng vị trí theo Đề án đã được phê duyệt.
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt - 100% số đơn vị: 1 - Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,5 - Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,25 - Dưới 60% số đơn vị: 0	1	1	0	0	- <i>Giải trình lần 1</i> : UBND tỉnh Khánh Hòa đã trình Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức tại Tờ trình số 6099/TTr-UBND ngày 12/10/2014. Đến thời điểm hiện nay, tuy Bộ Nội vụ chưa phê duyệt Đề án nhưng tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo Đề án vị trí việc làm đã trình Bộ Nội vụ => Bộ Nội vụ thẩm định lần 1 chưa cho điểm tiêu chí này và đề nghị bổ sung bản mô tả công việc và khung năng lực

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						<p>- <i>Giải trình lần 2:</i> Mặc dù Đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của tỉnh Khánh Hòa chưa được Bộ Nội vụ phê duyệt, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của đơn vị mình (đã gửi Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp trong Đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức trình Bộ Nội vụ tại Tờ trình số 6099/TTr-UBND ngày 12/10/2014) trong việc tuyển dụng; bố trí người làm việc, sắp xếp đội ngũ cán bộ, viên chức; quy hoạch, đào tạo theo đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức đối với vị trí việc làm đã được thẩm định.</p> <p>=> Tuy nhiên, thẩm định lần 2 Bộ Nội vụ vẫn không cho điểm tiêu chí này</p>
5.2	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>	1	1	1	1	
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã <i>- Đúng quy định: 0,5</i>	0,5	0,5	0,5	0,5	Việc tuyển dụng công chức được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Kết thúc kỳ thi không có đơn kiến nghị, khiếu nại, dư luận nào liên quan đến kết quả thi công chức. 100% các cơ quan thực hiện đúng theo quy định
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh <i>- Đúng quy định: 0,5</i>	0,5	0,5	0,5	0,5	Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Kết thúc kỳ tuyển dụng không có đơn kiến nghị, khiếu nại, dư luận nào liên quan đến kết quả tuyển dụng. 100% các đơn vị thực hiện đúng theo quy định
5.3	<i>Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh</i>	1	1	1	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức - Đúng quy định: 0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	Năm 2016, tỉnh Khánh Hòa tổ chức thi nâng ngạch chuyên viên chính (được ủy quyền) tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức - Đúng quy định: 0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	Tỉnh Khánh Hòa chưa tổ chức thi, xét thăng hạng viên chức tại tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, tỉnh Khánh Hòa cũng đã thực hiện theo quy định đối với việc thi thăng hạng do các Bộ quản lý ngành tổ chức Năm 2016, tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức thực hiện việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương cho hơn 18.226 viên chức. Đây cũng là một trong các cơ sở để tổ chức việc thi, xét thăng hạng viên chức
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương - 100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1	1	1	1	1	Thực hiện bổ nhiệm theo đúng quy trình, tiêu chuẩn và cơ cấu số lượng theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức. 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định
5.5	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức - Đúng quy định: 0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	- Ngày 09/6/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2015/NĐ-CP về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức. Để cụ thể hóa tại địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa ban hành Hướng dẫn số 02-HD/TU ngày 09/12/2015 về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. Theo đó, từ năm 2015 trở đi, tỉnh Khánh Hòa thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo các văn bản trên - Để triển khai thực hiện đánh giá, phân loại năm 2016, Ban Tổ chức Tỉnh ủy Khánh Hòa đã ban hành công văn số 758-CV/TCTU ngày 27/10/2016 về việc triển khai đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2016; công văn số 802-CV/BTCTU

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						ngày 25/11/2016 về việc bổ sung kiểm điểm, đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên năm 2016 và nội dung sinh hoạt chi bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XII, Chỉ thị số 05-CT/TW Việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức được hoàn tất trong tháng 12/2016 và đúng quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP và Hướng dẫn số 02-HD/TU
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch tỉnh giảm biên chế trong năm - Hoàn thành 100% kế hoạch: 1	1	1	1	1	Thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 108/205/NĐ-CP, báo cáo về Bộ Nội vụ đúng thời gian và được Bộ Nội vụ thẩm tra để thực hiện 107/73 người theo kế hoạch, đạt tỷ lệ 146,57%
5.7	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1,5	1,5	1	1	
5.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức - Đúng quy định: 0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	Báo cáo số 147/BC-SNV ngày 16/01/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa gửi Bộ Nội vụ về báo cáo Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Khánh Hòa năm 2016
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức - Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 - Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5	1	1	0,5	0,5	- Giải trình lần 1: về mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức Theo Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành ngày 31/12/2015, năm 2016 có 17 nội dung đào tạo, bồi dưỡng, trong đó có 49 lớp, đã thực hiện được 46/49 lớp; đạt tỷ lệ 93,88%. Các lớp chưa thực hiện được vì các nguyên nhân khách quan, đồng thời đã mở thêm 1 số lớp khác thay thế. Tuy nhiên Bộ Nội vụ thẩm định chỉ chấm 0,5 điểm vì cho rằng: “Trong kế hoạch xây dựng theo số lớp còn trong Báo cáo liệt kê số người nên không tính được tỷ lệ phần trăm. Nếu tính theo kế hoạch, còn một số lớp chưa tổ chức như: Lớp bồi

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						<p>đường kiến thức QLNN chương trình CVC, bồi dưỡng kiến thức hội nhập quốc tế,... và một số lớp bồi dưỡng khác không thấy báo cáo thực hiện”</p> <p>- <i>Giải trình lần 2:</i> đã giải trình rõ hơn theo yêu cầu của Bộ Nội vụ, tuy nhiên Bộ Nội vụ vẫn không thống nhất với cách giải trình về việc không mở đủ lớp theo kế hoạch nên vẫn không thay đổi điểm chấm lần đầu</p>
5.8	Cán bộ, công chức cấp xã	1,5	1	1	1	
5.8.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã - 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,5 - Từ 80% - dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,25	0,5	0,25	0,25	0,25	1.238/1.294 công chức cấp xã đạt chuẩn (tỷ lệ 95,67%)
5.8.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã - 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,5 - Từ 80% - dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,25	0,5	0,25	0,25	0,25	Số đạt chuẩn: 1.195/1433 người (đạt tỷ lệ: 83,39%)
5.8.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm - Từ 70% số cán bộ, công chức trở lên: 0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	2.590/2.727 cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm 2016 (đạt tỷ lệ 94,98%)
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4	4	3,5	3,5	
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu	1	1	1	1	Báo cáo số 1592/STC-HCSN ngày 21/4/2016 của Sở Tài chính

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	<i>trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</i> <i>- Đúng quy định: 1</i>					Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị định số 130/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ năm 2015
6.2	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh</i>	3	3	2,5	2,5	
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm <i>- 100% số đơn vị: 1</i>	1	1	1	1	Báo cáo số 1592/STC-HCSN ngày 21/4/2016 của Sở Tài chính Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị định số 130/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ năm 2015
6.2.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên <i>- Số đơn vị tăng so với năm trước: 1</i>	1	1	1	1	Năm 2015 trở về trước có 8 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên. Năm 2016 tăng thêm 1 đơn vị là Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Khánh Hòa
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp <i>- 100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0,5</i> <i>- Từ 80% - dưới 100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0,25</i> <i>- Dưới 80% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0</i>	0,5	0,5	0	0	<i>- Giải trình lần 1:</i> Theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thì đơn vị đủ điều kiện để được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Hiện nay tại tỉnh Khánh Hòa chưa có đơn vị sự nghiệp công lập nào tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư nên tỉnh Khánh Hòa tự chấm tiêu chí này đạt 0,5 điểm Bộ Nội vụ thẩm định “Không chấp nhận ý kiến giải trình, không có đơn vị nào đủ điều kiện thì không có điểm”
6.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân	0,5	0,5	0,5	0,5	Báo cáo số 1592/STC-HCSN ngày 21/4/2016 của Sở Tài chính Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị định số 130/NĐ-

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	phôi kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm - 100% số đơn vị: 0,5					CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ năm 2015
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	9	6,25	3	3,75	
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	4	3	1,75	2	
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT - Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 - Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5	1	0,5	0,5	0,5	- Quyết định số 8972/KH-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa năm 2016 - Theo Báo cáo số 1874/BC-STTTT ngày 29/12/2016 của Sở Thông tin và Truyền thông Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2016 và Chương trình công tác năm 2017 và Báo cáo số 1697/BC-STTTT của Sở Thông tin và Truyền thông Báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2017, theo đó mức độ hoàn thành Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2016 đạt trên 90%
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh - Đã ban hành và duy trì, cập nhật theo quy định: 1 - Đã ban hành nhưng không duy trì, cập nhật theo quy định: 0,5 - Chưa ban hành Kiến trúc: 0	1	1	0	0	- <i>Giải trình lần 1:</i> Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa. Do tỉnh mới ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử trong tháng 01/2017 nên việc duy trì, cập nhật sẽ được thực hiện trong năm 2017 Thẩm định của Bộ Nội vụ “Ban hành năm 2017” nên không có điểm
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng	1	0,5	0,25	0,5	- <i>Giải trình lần 1:</i> Năm 2016, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa đã phát hành 39.873/63.706 văn bản

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	điện tử - Từ 80% số văn bản trở lên: 1 - Từ 60% - dưới 80% số văn bản: 0,5					(đi) dưới dạng điện tử, đạt tỷ lệ 62,4% (số liệu thống kê tổng hợp trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan) => Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định thì đạt tỷ lệ 57% và chỉ chấm 0,25 điểm - Giải trình lần 2: Số liệu 57% văn bản điện tử mà Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa báo cáo và Bộ Thông tin và Truyền thông sử dụng để thẩm định là số liệu văn bản được trao đổi hoàn toàn trên môi trường mạng. Nếu tính bao gồm cả số văn bản trao đổi song song (cả văn bản giấy và văn bản điện tử) của cơ quan hành chính của tỉnh từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã, 6 lĩnh vực ngành dọc và khối Đảng, đoàn thể thì tỷ lệ này là 62,4% (gửi kèm hình ảnh chụp màn hình giao diện số văn bản đi của 01 cơ quan trong năm 2016 để minh họa) => Bộ Thông tin và Truyền thông chấp nhận giải trình
7.1.4	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã) - Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã: 1	1	1	1	1	Phần mềm quản lý văn bản của tỉnh được triển khai thống nhất, đồng bộ cho 100% cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã, cho phép kết nối liên thông gửi nhận văn bản điện tử trên toàn hệ thống, không cần thông qua hệ thống trung gian (Báo cáo số 1874/BC-STTTT ngày 29/12/2016 của Sở Thông tin và Truyền thông Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2016 và Chương trình công tác năm 2017)
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3,5	2	0,5	1	
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 - Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5 - Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 1	1,5	1,5	0	0,5	- Giải trình lần 1: Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến qua mạng là 160.163/369.708 hồ sơ, đạt tỷ lệ 43,32% (số liệu này bao gồm số hồ sơ theo báo cáo của Sở Thông tin và Truyền thông thống kê số lượng hồ sơ giải quyết trực tuyến của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, xã và số liệu thống kê do Sở Nội vụ tổng hợp từ các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	<p>- Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5</p> <p>- Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</p>					<p>=> Bộ Thông tin và Truyền thông trên cơ sở báo cáo của Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định “thị trường có 19 dịch vụ có tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến 100%; còn 378 dịch vụ không có thông tin về tỷ lệ và số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến trong năm. Như vậy tỷ lệ đạt rất thấp”. Do đó chấm 0 điểm</p> <p>- Giải trình lần 2: Trong năm 2016, trong số 473 thủ tục hành chính được UBND tỉnh công bố thực hiện trực tuyến mức độ 3 thì chỉ có 171 thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch. Tổng số hồ sơ của 171 thủ tục hành chính là 20.793 hồ sơ, trong đó số hồ sơ trực tuyến mức độ 3 đã tiếp nhận và giải quyết thành công là 5.533 hồ sơ (đạt tỷ lệ 63,33%), cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối sở, ngành: 4.812 hồ sơ - Khối Huyện : 586 hồ sơ - Khối xã : 136 hồ sơ <p>(số liệu thống kê tự động trên website: ksthc.khanhhoa.gov.vn)</p> <p>Số liệu này chưa bao gồm hồ sơ trực tuyến lĩnh vực đăng ký kinh doanh, cấp đổi Giấy phép lái xe, cấp Phiếu lý lịch tư pháp (vì thực hiện luôn trên Phần mềm của các Bộ, tỉnh chưa nắm được số liệu thống kê)</p> <p>=> Bộ Thông tin và Truyền thông chấp nhận 1 phần giải trình và chấm 0,5 điểm</p>
7.2.2	<p>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4</p> <p>- Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5</p> <p>- Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 1</p> <p>- Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0,5</p>	1,5	0	0	0	Năm 2016, tỉnh mới công bố thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 4

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	<i>- Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>					
7.2.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích <i>- Đúng quy định: 0,5</i>	0,5	0,5	0,5	0,5	- Bưu điện tỉnh KH đã thực hiện nhận HS, trả kết quả qua đường bưu chính trên một số lĩnh vực. Năm 2016, thực hiện chuyển phát 209,618 hồ sơ qua đường bưu chính - UBND tỉnh đã cho phép triển khai thí điểm mở rộng phạm vi trên một số lĩnh vực trong năm 2017 (Công văn số 10137/UBND-KGVX ngày 16/12/2016)
7.3	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008	1,5	1,25	0,75	0,75	
7.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 <i>- 100% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i> <i>- Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>	0,5	0,5	0,25	0,25	Báo cáo số 01/BC-BCĐ ISO ngày 27/12/2016 và Bảng tổng hợp kết quả kèm theo => Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định theo Báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh gửi thì tỉnh vẫn còn Ban Dân tộc chưa xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng nên chỉ chấm 0,25 điểm tiêu chí này
7.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 <i>- Từ 70% số đơn vị trở lên: 0,5</i>	0,5	0,5	0,5	0,5	137/137 xã, phường, thị trấn đã chuẩn hóa quy trình thực hiện toàn bộ TTHC theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, tích hợp vào Bộ phần mềm một cửa điện tử, thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả và kiểm soát theo quy trình này (truy cập địa chỉ Cổng thông tin tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa cấp xã trên Cổng thông tin CCHC tỉnh Khánh Hòa, chuyên mục Bộ phận Một cửa điện tử sở, ngành, địa phương; đồng thời tra cứu trên Cổng kiểm soát TTHC tỉnh, địa chỉ: kstthc.khanhhoa.gov.vn để xem kết quả kiểm soát hồ sơ, quy trình và thời hạn giải quyết)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định - 100% số cơ quan, đơn vị: 0,5 - Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25 - Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0	0,5	0,25	0	0	Có 44/46 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng, đạt tỷ lệ 95,6%
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	8	7,25	7,25	7,25	
8.1	Thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	5,5	5,5	5,5	5,5	
8.1.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được thực hiện theo cơ chế một cửa - 100% số TTHC: 1	1	1	1	1	1219/1219 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được thực hiện theo cơ chế một cửa (đạt tỷ lệ 100%) (bao gồm Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong trực thuộc UBND tỉnh)
8.1.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa - 100% số đơn vị: 1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	8/8 UBND huyện, thị xã, thành phố có 100% số TTHC (219 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa (huyện đảo Trường Sa chưa có nhu cầu thực hiện)
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền	1,5	1,5	1,5	1,5	137/137 UBND xã, phường, thị trấn có 100% số TTHC (124 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa (<i>Không tính các xã thuộc huyện đảo</i>) - 100% số đơn vị: 1,5					chế một cửa (03 đơn vị thuộc huyện Trường Sa chưa có nhu cầu thực hiện)
8.1.4	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông - Từ 50 TTHC trở lên: 1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	Có 271 thủ tục hành chính được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông
8.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại - 100% số đơn vị: 1	1	1	1	1	8/8 UBND huyện, thị xã, thành phố (tỷ lệ 100%)
8.3	Kết quả giải quyết TTHC	1,5	0,75	0,75	0,75	
8.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn - 100% số cơ quan: 0,5 - Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 0,25	0,5	0,25	0,25	0,25	Năm 2016, theo số liệu thống kê truy xuất tự động từ phần mềm một cửa điện tử, các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh đã giải quyết 67.067/79.108 hồ sơ sớm hạn (chiếm tỷ lệ 84,78%) và 9.049/79.108 hồ sơ đúng hạn (chiếm tỷ lệ 11,44%) Đồng thời giải trình thêm: Tại tỉnh Khánh Hòa, toàn bộ hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được quản lý trên Phần mềm một cửa điện tử và tự động cập nhật liên tục về Trang thông tin Kiểm soát thủ tục hành chính (kstthc.khanhhoa.gov.vn), đã kết nối với Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, theo đó, kiểm soát toàn bộ quá trình giải quyết của từng hồ sơ hành chính. Tỉnh Khánh Hòa tự chấm các tiêu chí 8.3.1, 8.3.2 và 8.3.3 là 0,25 điểm. Kiến nghị Hội đồng thẩm định xem xét, ghi nhận việc triển khai thực chất, đồng bộ và hiệu quả của tỉnh Khánh Hòa đối với các tiêu chí thành phần này

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
						=> Bộ Nội vụ ghi nhận giải trình này
8.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn - 100% số cơ quan: 0,5 - Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 0,25	0,5	0,25	0,25	0,25	Năm 2016, theo số liệu thống kê truy xuất tự động từ phần mềm một cửa điện tử, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã giải quyết 53.716/71.262 hồ sơ sớm hạn (chiếm tỷ lệ 75,38%) và 7.835/71.262 hồ sơ đúng hạn (chiếm tỷ lệ 10,99%)
8.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn - 100% số cơ quan: 0,5 - Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 0,25	0,5	0,25	0,25	0,25	Năm 2016, theo số liệu thống kê truy xuất tự động từ phần mềm một cửa điện tử, UBND cấp xã đã giải quyết 143.298/181.219 hồ sơ sớm hạn (chiếm tỷ lệ 79,07%) và 25.935/181.219 hồ sơ đúng hạn (chiếm tỷ lệ 14,31%)
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	38	27,83	27,83	27,83	
1	Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	3	2,5	2,5	2,5	
1.1	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh - Cao hơn so với năm trước liền kề: 1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh năm 2016 đạt 32.000 tỷ đồng, tăng 13,9% so với năm 2015
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm - Tăng từ 30% trở lên so với năm trước liền kề: 1,5	1,5	1	1	1	- Tổng số doanh nghiệp thành lập mới năm 2015: 1.517 - Tổng số doanh nghiệp thành lập mới năm 2016: 1.872 => Đạt tỷ lệ 23,4%

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	- Tăng từ 10% - dưới 30% so với năm trước liền kề: 1					
2	Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	5	3,76	3,76	3,76	
2.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1	0,76	0,76	0,76	Điều tra xã hội học
2.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1	0,75	0,75	0,75	Điều tra xã hội học
2.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1	0,75	0,75	0,75	Điều tra xã hội học
2.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	2	1,5	1,5	1,5	Điều tra xã hội học
3	Tác động đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính	5,5	4,81	4,81	4,81	
3.1	Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1,5	1,34	1,34	1,34	Điều tra xã hội học
3.2	Sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC	1	0,85	0,85	0,85	Điều tra xã hội học
3.3	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ	1,5	1,3	1,3	1,3	Điều tra xã hội học

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	TTHC					
3.4	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC	1,5	1,32	1,32	1,32	Điều tra xã hội học
4	Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính	4	3,03	3,03	3,03	
4.1	Đánh giá về thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh	1	0,73	0,73	0,73	Điều tra xã hội học
4.2	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	1,5	1,17	1,17	1,17	Điều tra xã hội học
4.3	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện	1,5	1,13	1,13	1,13	Điều tra xã hội học
5	Tác động đến đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính	5,5	4,5	4,5	4,5	
5.1	Đánh giá về năng lực chuyên môn của công chức giải quyết TTHC	1,5	1,29	1,29	1,29	Điều tra xã hội học
5.2	Đánh giá về tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức giải quyết TTHC	2	1,66	1,66	1,66	Điều tra xã hội học
5.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	1	0,91	0,91	0,91	Điều tra xã hội học
5.4	Tính hiệu quả trong việc thực thi	1	0,64	0,64	0,64	Điều tra xã hội học

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
	chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính					
6	Tác động đến quản lý tài chính công	4,5	3,14	3,14	3,14	
6.1	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1,5	1,14	1,14	1,14	Điều tra xã hội học
6.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1,5	1,02	1,02	1,02	Điều tra xã hội học
6.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1,5	0,98	0,98	0,98	Điều tra xã hội học
7	Tác động đến hiện đại hóa hành chính	4	3,23	3,23	3,23	
7.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1	0,8	0,8	0,8	Điều tra xã hội học
7.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của tỉnh	1	0,79	0,79	0,79	Điều tra xã hội học
7.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1	0,83	0,83	0,83	Điều tra xã hội học

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2	Nội dung giải trình
7.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1	0,81	0,81	0,81	Điều tra xã hội học
8	<i>Tác động đến chất lượng cung cấp dịch công</i>	6,5	2,86	2,86	2,86	
8.1	Đánh giá về chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập	2	1,37	1,37	1,37	Điều tra xã hội học
8.2	Đánh giá về chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục công lập	2	1,49	1,49	1,49	Điều tra xã hội học
8.3	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công	Không chấm điểm				Kết quả khảo sát hàng năm của tỉnh
TỔNG ĐIỂM (=I + II)		97,5	83,83	73,33	78,83	

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	BNV thẩm định lần 1	BNV thẩm định lần 2
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA TỈNH	62	56	45,5	51
1	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	8,5	7,5	7,5	7,5
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh	7,5	6,5	4,75	6,5
3	Cải cách thủ tục hành chính	9	9	7,5	8,5
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	6,5	6,5	4,5	6,5
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	9,5	9	7,5	7,5
7	Hiện đại hóa hành chính	9	6,25	3	3,75
8	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	8	7,25	7,25	7,25
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	38	27,83	27,83	27,83
1	Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	3	2,5	2,5	2,5
2	Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	5	3,76	3,76	3,76
3	Tác động đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính	5,5	4,81	4,81	4,81
4	Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính	4	3,03	3,03	3,03
5	Tác động đến đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính	5,5	4,5	4,5	4,5
6	Tác động đến quản lý tài chính công	4,5	3,14	3,14	3,14
7	Tác động đến hiện đại hóa hành chính	4	3,23	3,23	3,23
8	Tác động đến chất lượng cung cấp dịch công	6,5	2,86	2,86	2,86
	TỔNG ĐIỂM (=I + II)	97,5	83,83	73,33	78,83